

Số: 23 /TTr-GD

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH

***Dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức - Hoạt động Công ty và
Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị,
Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát***

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Tại kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2019, Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua Điều lệ Tổ chức và hoạt động, của Công ty được Đại hội cổ đông thông qua ngày 30/5/2019, trên cơ sở tuân thủ quy định của của Luật Doanh nghiệp năm 2014, Luật Chứng khoán năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010, Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng ngày 06/06/2017, Thông tư 155/2015/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ngày 06/10/2015 và điều kiện thực tế của đơn vị.

Tuy nhiên, thời gian vừa qua các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã ban hành một số văn bản pháp lý quan trọng điều chỉnh và hướng dẫn chi tiết về quản trị đối với các công ty đại chúng mà Công ty chưa cập nhật, bổ sung vào điều lệ và các quy chế quản trị như: Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019, Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán năm 2019, Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và điều kiện thực tế của đơn vị, Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự có hiệu lực từ ngày 01/03/2022 và đặc biệt là Thông tư 116/2020/TT-BTC Thông tư hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán có hiệu lực thi hành ngày từ 15/02/2021. Theo đó, văn bản này đã chuẩn hóa và đưa ra các biểu mẫu để các công ty đại chúng tham chiếu xây dựng Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Do vậy, để bảo đảm việc tuân thủ và tương thích các quy định pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định đã thảo luận và biểu quyết thông qua nội dung dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT; Ban Kiểm soát biểu quyết thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát (*đính kèm*). Cụ thể các nội dung dự thảo sửa đổi bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy chế hoạt động cụ thể như sau:

1. Về căn cứ sửa đổi, bổ sung Điều lệ:

Công ty cổ phần Cấp nước Gia Định thực hiện sửa đổi, bổ sung nhiều nội dung trong Điều lệ Công ty, dựa trên những thay đổi, cập nhật của Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019, Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán năm 2019, Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và điều kiện thực tế của đơn vị, Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Thông tư 116/2020/TT-BTC Thông tư hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán có hiệu lực thi hành ngày từ 15/02/2021 và quy định khác của pháp luật có liên quan. Đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và bảo vệ lợi ích cao nhất của tất cả các cổ đông trong Công ty.

2. Về nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ:

HĐQT trình ĐHĐCĐ văn bản Dự thảo Điều lệ sửa đổi của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định kèm theo đó là Bảng so sánh chi tiết Điều lệ hiện hành với Điều lệ được sửa đổi bổ sung. Cấu trúc Điều lệ được xây dựng theo Khung điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC Thông tư (“Khung điều lệ”), đồng thời HĐQT liệt kê những thay đổi cơ bản, quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của Cổ đông, ĐHĐCĐ, HĐQT và các bộ phận khác trong quá trình quản lý, vận hành hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định. (**Đính kèm tài liệu**)

3. Về quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được sửa đổi, bổ sung lần thứ hai dựa trên những thay đổi, cập nhật của Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019, Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán năm 2019, Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và điều kiện thực tế của đơn vị.

4. Quy chế quản trị nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định là dự thảo lần đầu với kết cấu các điều - khoản mẫu quy chế tại Thông tư 116/2020/TT-BTC Thông tư hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán có hiệu lực thi hành ngày từ 15/02/2021 phù hợp với công tác quản trị của một công ty niêm yết chứng khoán.

Tóm lại, việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và ban hành mới các Quy chế công ty lần này chủ yếu căn cứ theo pháp luật hiện hành, đảm bảo tính minh bạch thông tin và phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các bộ phận làm việc tại Công ty. Nội dung chi tiết sửa đổi, bổ sung được đăng tải tại trang thông tin điện tử Công ty (capnuocgiadinh.vn).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu (CV.HĐQT).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Phúc

MỘT SỐ NỘI DUNG THAY ĐỔI CƠ BẢN GIỮA ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH VÀ ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI BỔ SUNG

ĐIỀU LỆ GIA ĐỊNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
<p>Điều 9: Vốn điều lệ</p> <p>Không quy định</p>	<p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần bao gồm các nội dung về số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua tối thiểu là 20 ngày để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do HĐQT của Công ty quyết định. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp ĐHĐCĐ có chấp thuận khác.</p>	<p><i>Bổ sung để phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định tại Khoản 2 Điều 26 LCK.</i></p>
<p>Điều 10: Các loại vốn khác</p> <p>1. Vốn vay: Công ty huy động vốn bên ngoài bằng phương thức phát hành trái phiếu, vay vốn của ngân hàng, của các tổ chức tài chính trong và ngoài nước và các phương thức khác theo quy định của pháp luật. Công ty được quyền sử dụng vốn này và có trách nhiệm hoàn trả đúng hạn cả vốn lẫn lãi.</p> <p>2. Vốn tích lũy: Vốn tích lũy của Công ty được hình thành từ kết quả kinh doanh, dùng để mở rộng và phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty, góp vốn liên doanh với các cá nhân, các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước.</p> <p>3. Các loại vốn khác: Công ty được tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển của các cá</p>	<p>Hủy bỏ</p>	<p><i>Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 42 Điều lệ hiện hành và điểm c Khoản 1 điều 27 Điều lệ sửa đổi, Công ty được quyền quyết định việc huy động thêm vốn khác. Về phương thức huy động Công ty có thể điều chỉnh phù hợp khi thực hiện. Ngoài ra, việc quy định rõ việc sử dụng vốn tích lũy như tại đây sẽ gây khó</i></p>

ĐIỀU LỆ GIA ĐỊNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
nhân và pháp nhân trong và ngoài nước và các loại vốn khác theo đúng pháp luật hiện hành để bổ sung cho vốn hoạt động.		<i>khẩn cho Công ty khi muốn sử dụng vốn tích lũy vào mục đích khác.</i>
Điều 12: Chứng nhận cổ phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác	Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	
Không quy định	1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.	<i>Bổ sung phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 7 Khung điều lệ</i>
Không quy định	3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.	<i>Bổ sung phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 7 Khung điều lệ</i>
4. Nếu Chứng nhận cổ phiếu bị hỏng, bị tẩy xóa, bị mất hoặc bị hủy hoại thì Công ty sẽ cấp Chứng nhận cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần tương ứng theo yêu cầu của cổ đông với điều kiện là phải gửi cho Công ty. Chứng nhận cổ phiếu cũ hoặc phải tuân thủ các điều kiện chứng minh Chứng nhận cổ phiếu cũ bị mất hoặc bị hủy hoại. Người được cấp lại phải chịu các chi phí liên quan.	4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây: a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới. Ngoài ra, cổ đông phải gửi lại cho Công ty chứng nhận cổ phiếu cũ hoặc phải tuân thủ các điều kiện chứng minh chứng nhận cổ phiếu bị mất hoặc hủy hoại. Người được cấp lại phải chịu các chi phí liên quan.	<i>- Khoản 3 Điều 121 Luật Doanh nghiệp - Việc yêu cầu đưa ra bằng chứng và thanh toán chi phí liên quan giúp đảm bảo quyền lợi cho doanh nghiệp</i>
Điều 14: Chuyển nhượng cổ phần	Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	
1. Trong vòng 3 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy	1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi	<i>(*) Chỉ áp dụng cho doanh</i>

ĐIỀU LỆ GIA ĐỊNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
<p><u>chứng nhận đăng ký kinh doanh</u>,(*) các cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó. Sau thời hạn ba năm quy định ở trên, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều bãi bỏ.</p> <p>2. Cổ phần phổ thông của các cổ đông còn lại được tự do chuyển nhượng sau khi được phát hành.</p>	<p>Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p><i>ngành mới thành lập</i> - Điểm d Khoản 1 Điều 115 LDN</p>
<p>Không quy định</p>	<p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</p>	
<p>3. Các quy định khác về chào bán và chuyển nhượng cổ phần được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán.</p>	<p>Hủy bỏ</p>	
<p>Điều 16: Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty</p>	<p>Điều 10. Mua lại cổ phần</p>	
<p>Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức (nếu có) đã bán theo qui định sau đây:</p>	<p>1. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty. Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức (nếu có) đã bán theo quy định sau đây:</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp với quy định tại Điều 36 LCK</i></p>
<p>1. HĐQT có quyền quyết định mua lại <u>không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 tháng</u>. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định.</p>	<p>a. Việc mua lại cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định, <u>trừ các trường hợp không cần có quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 2 Điều 36 Luật Chứng khoán(*)</u></p>	<p>(*) Điểm a Khoản 1 Điều 36 LCK <i>Theo quy định tại Khoản 1 Điều 36 LCK thì HĐQT không được quyền quyết</i></p>
<p>2. HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần</p>	<p>b. HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần theo nguyên tắc</p>	

ĐIỀU LỆ GIA ĐỊNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
<p>phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp qui định tại khoản 3 điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận nào khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.</p>	<p><u>xác định giá mua lại đã được ĐHĐCĐ thông qua(*)</u>. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận nào khác hoặc ĐHĐCĐ không có quyết định khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường</p>	<p><i>định mua lại cổ phần, việc mua lại cổ phần đã bán phải có quyết định của ĐHĐCĐ và không quy định tỷ lệ cụ thể trừ một số trường hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 36 LCK (mua lại cổ phần của người lao động). Do đó, Điều lệ sửa đổi được điều chỉnh phù hợp với quy định pháp luật áp dụng cho công ty đại chúng.</i></p>
<p>3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. <u>Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả các cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên và địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. <u>Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, số Thẻ căn cước công nhân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và</u></u></p>	<p>c. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ <u>sở hữu</u> cổ phần của họ trong Công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông bán cổ phần của họ cho Công ty - Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số 	<p><i>Điều chỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 133 LDN</i></p>

ĐIỀU LỆ GIA ĐỊNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.	cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên.	
Điều 17: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	2. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định trong một qui chế riêng của Công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.	b. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 36 LCK, Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá do hai bên thỏa thuận trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. Chi phí thẩm định giá sẽ do bên bán chịu trách nhiệm thanh toán.	<i>Điều chỉnh theo quy định tại:</i> - Khoản 2 Điều 132 LDN - Khoản 3 Điều 36 LCK
Điều 23: Quyền của cổ đông	Điều 12. Quyền của cổ đông	
Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:	1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:	
Không quy định	h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 LDN	
Được quy định tại điểm d Khoản 10 <i>d. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn (06 tháng) có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên HĐQT, Giám đốc trong các trường hợp sau đây:</i> - Vi phạm nghĩa vụ người quản lý công ty theo quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp; - Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của HĐQT;	2. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên HĐQT, Giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây: - Vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp; - Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của	<i>Điều chỉnh theo Khoản 1 Điều 166 LDN</i>

ĐIỀU LỆ GIA ĐỊNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
<p>- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hoặc nghị quyết của ĐHĐCĐ;</p> <p>- Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>- Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>HĐQT đối với quyền và nghĩa vụ được giao;</p> <p>- <u>Lạm dụng địa vị, chức vụ</u> và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, <u>tài sản khác</u> của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p>	
<p>10. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% số cổ phần của Công ty trở lên <u>trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền:</u></p>	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có <u>các quyền</u> sau:</p>	<p><i>Điều lệ hiện hành đang áp dụng quy định theo LDN 2014: việc áp dụng tỷ lệ 10% làm giới hạn quyền của cổ đông, trong khi đó luật cho phép áp dụng tỷ lệ từ 5% hoặc tỷ lệ thấp hơn. Vì vậy, Điều lệ sửa đổi đã điều chỉnh thành “tỷ lệ 5% tổng số cổ phần phổ thông”. Việc điều chỉnh này phù hợp với tỷ lệ tại Khung điều lệ và phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 115 LDN.</i></p>
<p>a. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau đây:</p> <p>- HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;</p> <p>- Nhiệm kỳ của HĐQT vượt quá 6 tháng mà HĐQT mới chưa được bầu thay thế;</p>	<p>a. Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập họp ĐHĐCĐ theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>- <i>Điều chỉnh phù hợp với khung điều lệ và quy định tại điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp 2020</i></p>

ĐIỀU LỆ GIA ĐỊNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
- Các trường hợp theo quy định tại Điều 136 Luật Doanh nghiệp.		
b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của BKS;	b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của BKS, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;	
c. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, <u>địa chỉ thường trú</u> , quốc tịch, <u>số Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân</u> ; <u>Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</u> đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <u>số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh</u> đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.	c. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc</u> , quốc tịch, <u>số giấy tờ pháp lý của cá nhân</u> đối với cổ đông là cá nhân; tên, <u>mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý</u> của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;	
Không quy định	d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;	
	e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và điều lệ này	
Không quy định	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT, BKS. Việc đề cử người vào HĐQT và BKS thực hiện như sau: a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người	<i>Bổ sung phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 12 Khung điều lệ</i>

ĐIỀU LỆ GIA ĐỊNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
	<p>vào HĐQT và BKS phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;</p> <p>b. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT và BKS, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT và BKS. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS và các cổ đông khác đề cử.</p>	
<p>g. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một (01) năm có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ thực hiện Nghị quyết của HĐQT thông qua trái với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p>Hủy bỏ</p>	<p><i>Theo quy định tại khoản 4 Điều 153 LDN 2020, đình chỉ, hủy bỏ là quyền của cổ đông Công ty và không còn yêu cầu về thời hạn nắm giữ.</i></p> <p><i>Quyền hủy hoặc đình chỉ được quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12</i></p>
<p>Điều 24: Nghĩa vụ của các cổ đông</p> <p>1. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn <u>chín mươi (90) ngày, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*)</u>; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.</p> <p>Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên</p>	<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p> <p>2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với</p>	<p><i>(*) Thời hạn 90 ngày chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp mới thành lập</i></p>

ĐIỀU LỆ GIA ĐỊNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.	quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.	
2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ công ty.	3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.	
3. Chấp hành quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.	4. Chấp hành <u>Nghi quyết, quyết định</u> của ĐHĐCĐ, HĐQT.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 4 Điều 13 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Không quy định	5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.	<i>Bổ sung phù hợp khoản 5 Điều 13 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
4. Tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho <u>người</u> khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c. Tham dự và biểu quyết thông qua <u>họp trực tuyến</u> , bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (nếu có tổ chức); Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.	6. Tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho <u>cá nhân, tổ chức</u> khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c. Tham dự và biểu quyết thông qua <u>hội nghị trực tuyến</u> , bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; <u>d. Gửi phiếu biểu quyết bằng [phương tiện khác] theo quy định trong Điều lệ công ty.</u>	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 6 Điều 13 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC. Bổ sung quy định về ĐHĐCĐ trực tuyến.</i>
Điều 25: Quy định chung về Đại hội đồng cổ đông	Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	
1. ĐHĐCĐ là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, hoạt động thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.	ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp	<i>- Khoản 1 Điều 138 LDN - Khoản 1 và Khoản 2 Điều 139 LDN</i>

ĐIỀU LỆ GIA ĐỊNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
<p>2. Cuộc họp thường niên của ĐHĐCĐ được tiến hành mỗi năm một lần trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của HĐQT, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. Địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p>	
<p>Không quy định</p>	<p>HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp ĐHĐCĐ thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên của Công ty.</p>	<p><i>Khoản 4 Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</i></p>
<p>(Khoản 1 Điều 28) 1. “Lý do và điều kiện triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường: ĐHĐCĐ được triệu tập họp bất thường nhằm giải quyết những vấn đề khẩn cấp thuộc thẩm quyền được quy định tại Điều 26 Điều lệ này. HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:</p>	<p>3. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:</p>	<p>- Khoản 1 Điều 140 LDN</p>
<p>a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;</p>	<p>a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p>	
<p>b. Số thành viên HĐQT còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc giảm quá 1/3 so với quy định tại Điều lệ;</p>	<p>b. Số lượng thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc giảm quá một phần ba so với quy định tại Điều lệ;</p>	
<p>c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông tại khoản 10 Điều 23 Điều lệ;</p>	<p>c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ</p>	

ĐIỀU LỆ GIA ĐỊNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
	đồng liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;	
Khoản 2 Điều 28 <i>2. “Thời hạn và trách nhiệm triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường:</i>	4. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường:	
<i>a. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại ít hơn theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều này; 60 ngày khi thành viên HĐQT giảm quá 1/3 so với quy định tại Điều lệ.</i>	a. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, hoặc thành viên BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này hoặc 60 ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba.	<i>Khoản 2 Điều 140 LDN</i>
<i>b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm a - Khoản này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, BKS thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định.</i>	b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, BKS thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;	<i>Khoản 3 Điều 140 LDN</i>
<i>c. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm b - Khoản này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 10 Điều 23 Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế HĐQT, BKS triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định.”</i>	c. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại LDN;	<i>Khoản 4 Điều 140 LDN</i>
Điều 33 <i>Tất cả chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành ĐHĐCĐ sẽ do Công ty chi trả; Các chi phí mang tính cá nhân như chi phí đi lại, ăn ở do cổ đông tự trang trải.</i>	<p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	
Không quy định	d. Thủ tục để tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.	<i>Bổ sung phù hợp với điểm d khoản 4 Điều 14 Khung</i>

ĐIỀU LỆ GIA ĐỊNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
		<i>điều lệ</i>
Điều 26: Quyền hạn và <u>nhiệm vụ</u> của Đại hội đồng cổ đông	Điều 15. Quyền và <u>nghĩa vụ</u> của Đại hội đồng cổ đông	
Không quy định	1. ĐHĐCD có quyền và nghĩa vụ sau: e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;	<i>Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 15 Khung điều lệ</i>
Khoản 12 <i>“Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại”;</i>	g. Quyết định <u>mua lại số cổ phần đã bán</u> của mỗi loại, trừ trường hợp pháp luật không bắt buộc phải được ĐHĐCD thông qua;	Theo quy định tại Khoản 1 Điều 36 LCK thì khi mua lại cổ phần đã bán phải có quyết định của Đại hội đồng cổ đông trừ một số trường hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 36 LCK. Tuy nhiên, LCK không quy định rõ tỷ lệ bao nhiêu sẽ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông vì vậy điều lệ sửa đổi được điều chỉnh khác so với Điều lệ hiện hành để đảm bảo phù hợp với công ty đại chúng.
	2. ĐHĐCD thảo luận và thông qua các vấn đề sau:	
Không quy định	a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;	<i>Bổ sung phù hợp theo quy định tại điểm a, điểm b</i>
Không quy định	b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;	<i>Khoản 2 Điều 15 Khung điều lệ</i>
Không quy định	f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; g. Số lượng thành viên HĐQT, BKS;	<i>Bổ sung phù hợp theo quy định tại điểm Khoản 2</i>

ĐIỀU LỆ GIA ĐỊNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
	<p>h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS;</p> <p>i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với HĐQT, BKS;</p> <p>j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;</p> <p>m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>p. Quyết định mua lại số cổ phần đã bán của mỗi loại, trừ trường hợp pháp luật không bắt buộc phải được ĐHĐCĐ thông qua;</p> <p>q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế hoạt động BKS;</p>	<p><i>Điều 15 Khung điều lệ</i></p>

ĐIỀU LỆ GIA ĐỊNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
	t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
Không quy định	3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.	<i>Bổ sung phù hợp theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Khung điều lệ</i>
Điều 27. Đại diện theo ủy quyền	Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	
<p>1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p>	<p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp <u>hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p>	<i>Bổ sung phù hợp khoản 1 Điều 144 LDN 2020, khoản 1 Điều 16 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
<p>2. Việc ủy quyền cho <u>người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</u></p> <p><u>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</u></p> <p><u>b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</u></p> <p><u>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</u></p>	<p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p>	<i>Khoản 2 Điều 144 LDN</i>
Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào	Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì	

ĐIỀU LỆ GIA ĐỊNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
phòng họp.	<u>người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</u>	
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).	Hủy bỏ	<i>Việc ủy quyền được thực hiện như quy định tại Khoản 2 Điều 16 Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung</i>
4. <u>Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này</u> , phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây: a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền; c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền. Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.	3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây: a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền; c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền. Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại. <u>Khi xảy ra các sự kiện nêu trên, cổ đông và/hoặc người được ủy quyền bắt buộc phải có trách nhiệm thông báo cho Công ty. Trường hợp không thông báo mà vẫn tiếp tục thực hiện công việc ủy quyền dẫn đến tranh chấp xảy ra thì cổ đông/người thừa kế/ người được ủy quyền phải chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với mọi chi phí, thiệt hại phát sinh từ việc không thông báo. (*)</u>	<i>Căn cứ khoản 3 Điều 140 Bộ Luật dân sự thì ủy quyền đương nhiên hết hiệu lực khi xảy ra các sự kiện theo quy định tại điểm a,b,c Khoản 3 Khung điều lệ. Tuy nhiên, quy định tại Khung điều lệ đảm bảo quyền lợi cho Công ty vì Công ty không thể kiểm soát mọi tình huống xảy ra. Vì vậy, Điều lệ sửa đổi bổ sung phần (*) nhằm hạn chế tối đa thiệt hại nếu có tranh chấp. Trường hợp nếu có tranh chấp thì phán quyết có hiệu lực pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ là cơ sở để các bên thi hành</i>
Không quy định	Điều 17. Thay đổi các quyền	

ĐIỀU LỆ GIA ĐỊNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
	<p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p><i>Bổ sung phù hợp với quy định tại Điều 17 Khung điều lệ và Khoản 6 Điều 148 LDN</i></p>
	<p>2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p>	
	<p>3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20, 21 Điều lệ này.</p>	
	<p>4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác,</p>	

ĐIỀU LỆ GIA ĐỊNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
	các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.	
Điều 29: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo	Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	
2. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện <u>những nhiệm vụ</u> sau đây:	2. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện <u>các công việc</u> sau đây:	
a. Lập chương trình và nội dung cuộc họp; chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp; dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; chuẩn bị một (01) danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết chậm nhất năm (05) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành ĐHĐCĐ (trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc ĐHĐCĐ thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự ĐHĐCĐ thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng) <u>và chương trình họp, các tài liệu phù hợp với pháp luật, các quy định của Công ty.</u>	a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập <u>không quá 10 ngày (*)</u> trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;	(*) Ghi nhận ngày theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Khung điều lệ
	b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;	
	c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;	
	d. Dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp;	
Không quy định	f. Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;	Bổ sung theo quy định tại điểm e và điểm g Khoản 2 Điều 18 Khung điều lệ
	g. Các công việc khác phục vụ đại hội.	
c. Gửi Thông báo mời họp ĐHĐCĐ cho <u>các cổ đông có quyền dự họp</u> trước <u>ít nhất mười (10) ngày</u> trước ngày tổ chức Đại hội cổ đông. Thông báo mời họp nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để cổ đông có thể tiếp cận các thông tin, tài liệu liên quan đến Đại hội. Đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán	3. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. (*)	(*) Không ghi cụ thể Sở giao dịch chứng khoán trong trường hợp công ty có thay đổi thì không điều chỉnh lại điều khoản này (***) Điều chỉnh ngày theo

ĐIỀU LỆ GIA ĐỊNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.	<p>Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp tối thiểu 21 ngày (**) trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông phải được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và có thể gửi cho các cổ đông (***). Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS; c. Phiếu biểu quyết; d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. 	<p><i>Khung điều lệ để Công ty có nhiều thời gian chuẩn bị thủ tục (***)Căn cứ theo điểm a Khoản 3 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC việc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty là bắt buộc không phải sự lựa chọn hoặc/và.</i></p>
Không quy định	6. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.	<i>Bổ sung phù hợp theo quy định tại Khoản 6 Điều 18 Khung điều lệ</i>
Điều 30: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	
3. Trường hợp <u>Đại hội lần thứ hai</u> không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết thì ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai và trong trường hợp này	3. Trường hợp <u>cuộc họp lần thứ hai</u> không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. <u>Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba</u>	<i>Điều chỉnh phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 145 LDN</i>

ĐIỀU LỆ GIA ĐỊNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
<u>Đại hội</u> được tiến hành không phụ thuộc vào <u>số lượng biểu quyết của cổ đông tham dự</u> và được coi là <u>hợp lệ và có quyền quyết định</u> tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại ĐHĐCĐ lần thứ nhất.	được tiến hành không phụ thuộc vào <u>tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp</u> .	
Điều 31: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	
1. Vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.	1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.	<i>Điều chỉnh phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 146 LDN</i>
Không quy định	2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:	<i>- Điểm a Khoản 2 Điều 146 LDN</i>
3. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì HĐQT bầu một người trong số thành viên HĐQT còn lại làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường ban Kiểm soát điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa và người có số phiếu bầu cao nhất	a. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường BKS điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;	
Không quy định	c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; d. ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.	<i>Bổ sung phù hợp với quy định tại điểm c, d Khoản 2 Điều 20 Khung điều lệ và Điểm c và d Khoản 2 Điều 146 LDN</i>
Không quy định	5. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.	<i>Bổ sung phù hợp với quy định tại Khoản 5 Điều 20 Khung điều lệ và Khoản 5 Điều 146 LDN</i>

ĐIỀU LỆ GIA ĐỊNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
Không quy định	6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.	<i>Bổ sung phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 20 Khung điều lệ và Khoản 6 Điều 146 LDN</i>
10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, <u>người triệu tập họp ĐHĐCĐ sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất</u> (*) cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.	7. <u>Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền sau đây:</u> a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác; b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa (*), cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.	<i>- Khoản 7 Điều 146 LDN (*) Chủ tọa hoặc người triệu tập họp phải yêu cầu cơ quan có thẩm quyền trục xuất chứ không có quyền trục xuất.</i>
9. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội <u>khi có sự nhất trí</u> (*) hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.	8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp <u>tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc</u> và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây: a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp; b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết; c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.	<i>- Khoản 8 Điều 146 LDN (*)Luật cho phép trong trường hợp này Chủ tọa có quyền chủ động hoãn đại hội mà không cần sự nhất trí</i>
Không quy định	9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp ĐHĐCĐ trái với quy định tại khoản 8 Điều này, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thì	<i>Khoản 9 Điều 146 LDN</i>

ĐIỀU LỆ GIA ĐỊNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
Không quy định	hành. 13. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức ĐHĐCĐ thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	<i>Bổ sung phù hợp với quy định tại Khoản 13 Điều 20 Khung điều lệ</i>
Điều 35: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	
1. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ tại cuộc họp: d. Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty (**); tổ chức lại, giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% (***) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% (**) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.	1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3,4 và 6 Điều 148 LDN, Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 75% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành: a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.	<i>(**) Nếu quy định “sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty” thì bất kỳ thay đổi nào liên quan đến điều lệ sẽ áp dụng tỷ lệ 75%, không áp dụng được tỷ lệ 65% như Khoản 2. Vì vậy, Điều lệ sửa đổi sẽ bỏ phần (**)</i>
Điểm c Khoản 1 “Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận (*)”.	2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết (*) tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và Khoản 3 và 6 Điều 148 LDN	<i>(*) Khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp có hiệu lực vào 01/03/2022</i>

ĐIỀU LỆ GIA ĐÌNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
<p>e. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p>	<p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. <u>Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc KSV được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.</u></p>	<p><i>Bổ sung thêm phù hợp Khoản 3 Điều 148 LDN</i></p>
<p>Điều 36: Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p>	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>1. Lý do và điều kiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: Khi phát sinh những vấn đề khẩn cấp thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ mà HĐQT xét thấy không cần thiết phải tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường, thì HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, <u>kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 143 (*)</u> Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua khi có số cổ đông đại diện cho <u>ít nhất 65% (*)</u> tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận và được thực hiện theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Điều này</p>	<p>1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, <u>trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 LDN (*)</u></p> <p>Được quy định tại Khoản 8</p>	<p><i>(*) Điều lệ hiện hành quy định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản áp dụng cho tất cả các vấn đề kể cả Khoản 2 Điều 143 (nay là Khoản 2 Điều 147 LDN 2020) nhưng áp dụng tỷ lệ thông qua là 65% - điều này trái với quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 35 Điều lệ hiện hành (Khoản 1 Điều 21 Điều lệ sửa đổi) đang áp dụng tỷ lệ là 75%. Vì vậy, Điều lệ</i></p>

ĐIỀU LỆ GIA ĐỊNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
		<i>sửa đổi đã điều chỉnh lại phù hợp với Khung điều lệ.</i>
Không quy định	Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.	<i>Bổ sung theo quy định tại Khoản 3 Điều 23 Khung điều lệ</i>
Khoản 3 Điều 32 <i>3. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</i>	4. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp <u>kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có), nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc cuộc họp (*)</u> và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	(*)Quy định rõ hơn về đăng công bố theo điểm b khoản 3 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC
Điều 37: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ; cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp, <u>thành viên HĐQT, Giám đốc và BKS(*)</u> có quyền yêu cầu tòa án xem xét và hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:	Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được <u>nghị quyết</u> hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <u>khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp</u> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:	(*) Luật không quy định đối tượng này
Điều 38: Quy định chung về Hội đồng quản trị 3. Thành viên HĐQT có thể kiêm nhiệm các chức vụ trong Ban Giám đốc Công ty. Trừ trường hợp là thành viên HĐQT không điều hành.	3. Thành viên HĐQT có thể kiêm nhiệm các chức vụ trong Ban Giám đốc Công ty. Trừ trường hợp là thành viên HĐQT không điều hành. Đồng thời, Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc	<i>Khoản 2 Điều 156 LDN và Khoản 2 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định Chủ tịch HĐQT</i>

ĐIỀU LỆ GIA ĐỊNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
		<i>không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc</i>
<p>Điều 40. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Khoản 5 Điều 38 <i>Tiêu chuẩn thành viên HĐQT:</i> a. Là cổ đông hoặc đại diện của cổ đông sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty (*). <i>b. Có trình độ đại học, chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty;</i> <i>c. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có hiểu biết luật pháp;</i> <i>d. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</i></p>	<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>4. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và:</p> <p>a. Có trình độ đại học chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty;</p> <p>b. Chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT của tối đa tại 05 công ty đại chúng khác (**);</p> <p>c. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có hiểu biết luật pháp;</p> <p>d. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của LDN.</p>	<p><i>(*) Theo quy định tại Khoản 2 Điều 40 Điều lệ hiện hành và Khoản 2 Điều 25 Điều lệ sửa đổi, cổ đông phải sở hữu từ 10% cổ phần phổ thông trở lên mới được quyền ứng cử. Nếu áp dụng tỷ lệ 5% sẽ không phù hợp. Đồng thời, tiêu chuẩn đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải là người không sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Nếu áp dụng thành viên HĐQT bắt buộc phải là cổ đông Công ty thì không phù hợp.</i></p> <p><i>(**) khoản 3 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</i></p>
<p>Điều 42: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>Điều 42 1. Quyền hạn và <u>nhiệm vụ</u> của HĐQT:</p>	<p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và <u>nghĩa vụ</u> của HĐQT do luật pháp, Điều lệ công ty và ĐHCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p>	
<p>e. Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần của Công ty đã bán của từng loại trong mỗi 12 tháng và giá</p>	<p>e. Quyết định mua lại số cổ phần đã bán của từng loại theo quy định tại khoản 2 Điều 36 LCK và giá mua lại cổ phần</p>	<p>Theo quy định tại Khoản 1 Điều 36 LCK thì khi mua</p>

ĐIỀU LỆ GIA ĐỊNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
mua lại cổ phần của Công ty.	của Công ty.	lại cổ phần đã bán phải có quyết định của Đại hội đồng cổ đông và không quy định tỷ lệ cụ thể trừ một số trường hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 36 LCK (mua lại cổ phần của người lao động). Do đó, Điều lệ sửa đổi được điều chỉnh phù hợp với quy định pháp luật áp dụng cho công ty đại chúng.
f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật; Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp.	f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật; g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và <u>hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ</u> theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 LDN, Khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của LCK;	
Điều 45: Trường hợp khuyết thành viên Hội đồng quản trị		
1. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Khoản 1 Điều 44 Điều lệ này, trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, HĐQT ban hành quyết định về việc thành viên HĐQT đó bị miễn nhiệm, bãi	Hủy bỏ	<i>Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định tại</i>

ĐIỀU LỆ GIA ĐỊNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
nhiệm và báo cáo ĐHĐCĐ tại kỳ họp gần nhất.		<i>điểm c Khoản 4 Điều 160 LDN.</i>
2. Trường hợp Chủ tịch HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số cho <u>đến kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất để bầu bổ sung.</u>	Hủy bỏ	<i>Khoản 1 Điều 156 LDN và Khoản 1 Điều 29 Điều lệ sửa đổi quy định chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm nên HĐQT có thể tổ chức họp để bầu thay thế mà không cần đợi đến kỳ họp ĐHĐCĐ</i>
4. Trường hợp khuyết một thành viên theo qui định pháp luật và Điều lệ Công ty, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên HĐQT, HĐQT có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên HĐQT cho nhiệm kỳ. Việc bầu mới thành viên HĐQT phải được thực hiện tại ĐHĐCĐ gần nhất. Sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến hết ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trường hợp thành viên mới không được ĐHĐCĐ chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra ĐHĐCĐ có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.	Hủy bỏ	<i>Thẩm quyền bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT thuộc ĐHĐCĐ</i>
Điều 47: Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	
1. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và các lợi ích khác với mức do HĐQT dự tính cho từng thành viên	1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.	<i>Điều chỉnh phù hợp với quy định tại Điều 163 LDN</i>

ĐIỀU LỆ GIA ĐỊNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị hàng năm do ĐHĐCĐ quyết định.	2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.	
Không quy định	4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 4, 5 Điều 28 Khung điều lệ</i>
Không quy định	6. Thành viên HĐQT <u>có thể (*)</u> được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.	<i>(*) Việc mua bảo hiểm có thể được thực hiện hoặc không phụ thuộc vào chấp thuận của ĐHĐCĐ nên bổ sung theo Khung điều lệ</i>
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị		
Không quy định	5. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc	<i>Bổ sung phù hợp với Khoản 5 Điều 29 Khung điều lệ và quy định tại Khoản 4 Điều 156 LDN</i>

ĐIỀU LỆ GIA ĐỊNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
	làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.	
	Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	
Không quy định	1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.	<i>Bổ sung phù hợp với quy định tại Điều 31 Khung điều lệ</i>
	2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.	
Điều 51: Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên		
4. Trường hợp khuyết chức danh Trưởng BKS, các thành viên còn lại của BKS cử một (01) người tạm thay thế.	Hủy bỏ	<i>Trưởng BKS do BKS bầu nên khi khuyết chức danh BKS có thể tổ chức cuộc họp bầu người thay thế, không cử người tạm thay thế</i>
	Điều 34. Người điều hành Công ty	
Không quy định	1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác được HĐQT bổ nhiệm. 2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với	<i>Bổ sung theo quy định tại Điều 34 Khung điều lệ</i>

ĐIỀU LỆ GIA ĐỊNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
	<p>số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do HĐQT quyết định.</p> <p>4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên.</p>	
	Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	
<p>Khoản 15 Điều 52 <i>Báo cáo tại ĐHCĐ thường niên về các vấn đề sau:</i></p> <p>a. Tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS;</p> <p>b. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng KSV theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>c. Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của BKS;</p> <p>d. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;</p> <p>e. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;</p> <p>f. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Giám đốc và các cổ đông.</p>	<p>7. Báo cáo tại ĐHCĐ thường niên về các vấn đề sau:</p> <p>a. Tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và KSV;</p> <p>b. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng KSV theo quy định tại Điều 172 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>c. Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của BKS;</p> <p>d. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;</p> <p>e. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Giám đốc và các người điều hành khác của Công ty;</p> <p>f. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Giám đốc và các cổ đông.</p> <p>g. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tương đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó</p>	<p><i>Bổ sung, điều chỉnh phù hợp điểm d, đ Khoản 3 Điều 139 LDN và Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</i></p>

ĐIỀU LỆ GIA ĐỊNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
	<p><u>thành viên HĐQT, Giám đốc, người điều hành khác của Công ty là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.</u></p>	
	<p>Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p>	
<p>Khoản 3 Điều 59 3. ĐHĐCĐ chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại Khoản 2 Điều này. Trường hợp này, <u>Giám đốc công ty ký hợp đồng</u> phải thông báo HĐQT và KSV về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện <u>65%</u> (*) tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.</p>	<p>7. Trong trường hợp ĐHĐCĐ chấp thuận các hợp đồng, giao dịch như quy định tại Khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020 ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của LCK và ngoài hợp đồng, giao dịch như quy định tại Khoản 5 Điều này, <u>người đại diện Công ty</u> ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho HĐQT và KSV về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông còn lại đại diện theo tỷ lệ quy định tại <u>khoản 1 và khoản 2 Điều 21 Điều lệ này(*) biểu quyết tán thành.</u></p>	<p>(*) Tùy trường hợp sẽ áp dụng tỷ lệ chấp thuận là 75% theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 và 65% theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Điều lệ sửa đổi, bổ sung. Quy định này phù hợp với Khoản 4 Điều 167 LDN</p>
<p>Không quy định</p>	<p>9. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây: a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT,</p>	<p>Bổ sung phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 47 Khung điều lệ và phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 167 LDN và điểm đ khoản 2 Điều 138 LDN</p>

ĐIỀU LỆ GIA ĐỊNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
	<p>thành viên BKS, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo HĐQT và được HĐQT thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được ĐHĐCĐ thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p>	
Điều 61: Quyền kiểm tra sổ sách và hồ sơ	Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	
Không quy định	<p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp ĐHĐCĐ và nghị quyết ĐHĐCĐ;</p>	
<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% trở lên (*) số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục sáu (06) tháng có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra các biên bản họp ĐHĐCĐ (*) và sao chụp hoặc trích lục hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty.</p>	<p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của BKS, họp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p>	<p>(*) <i>Bất kỳ cổ đông phổ thông nào cũng có quyền trích lục, sao chụp biên bản họp ĐHĐCĐ (không áp dụng tỷ lệ 5% như quy định tại Điều lệ hiện hành)</i></p>
	Điều 45. Công nhân viên và công đoàn	

ĐIỀU LỆ GIA ĐỊNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
Không quy định	1. Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp. 2. Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.	<i>Bổ sung phù hợp với quy định tại Điều 50 Khung điều lệ</i>
Điều 46. Phân phối lợi nhuận		
Điều 71: Cổ tức <i>1. Cổ tức được chia theo mức ĐHĐCĐ quyết định trên cơ sở đề nghị của HĐQT.</i>	1. ĐHĐCĐ quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.	“Kiến nghị mức cổ tức được trả” thuộc quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT căn cứ theo 153 LDN, nội dung này đã được quy định tại điều khoản “Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT tại Điều 27 Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung.
Điều 71: Cổ tức <i>2. Công ty sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác mà cổ đông chưa nhận khi đến hạn.</i>	2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.	- Điều chỉnh theo Điều 51 Khung điều lệ, về cơ bản nội dung tương tự.
Điều 72: Hình thức chi trả <i>1. Theo đề xuất của HĐQT, ĐHĐCĐ sẽ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng tiền mặt hay những tài sản cụ thể khác.</i>	3. HĐQT có thể kiến nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu, <u>tiền mặt hay những tài sản cụ thể khác</u> và HĐQT là cơ quan thực thi quyết định này.	Điều chỉnh căn cứ theo Điều 135 LDN quy định về Trả cổ tức.
Không quy định	4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty	- Bổ sung theo Điều 51 Khung điều lệ

ĐIỀU LỆ GIA ĐỊNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
	<p>phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.</p>	<p>- Căn cứ theo Điều 135 LDN;</p>
<p>Điều 72: Hình thức chi trả <i>2. HĐQT thông qua Nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khóa sổ này có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi việc thụ hưởng các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.</i></p>	<p>5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày chốt danh sách cổ đông có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi việc thụ hưởng các quyền lợi về cổ tức được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của các bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.</p>	<p>Điều chỉnh theo Điều 51 Khung điều lệ; - Bổ sung nội dung căn cứ theo khoản 5 Điều 135 LDN.</p>
<p>Điều 62: Tài khoản ngân hàng</p>	<p>Điều 47. Tài khoản ngân hàng</p>	
<p>Không quy định</p>	<p>2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.</p>	<p>- Bổ sung theo Khoản 2 Điều 52 Khung điều lệ - Tham khảo Thông tư 20/2015/TT-NHNN quy</p>

ĐIỀU LỆ GIA ĐỊNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
		định về việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của người cư trú là tổ chức
<p>Điều 65: Trình báo cáo hàng năm</p> <p>2. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 68 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho <u>cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh (*)</u>.</p> <p>Khoản 5 Điều 65</p> <p>5. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên),[.....] <u>phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty (***)</u>.</p> <p>Điều 66: Công khai thông tin về công ty cổ phần</p> <p>1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được ĐHCĐ thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan (**).</p> <p>Khoản 2 Điều 68</p> <p>2. Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được kiểm toán trước khi trình ĐHCĐ xem xét, thông qua (**).</p>	<p>Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý</p> <p>2. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm <u>phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật trước khi trình ĐHCĐ xem xét thông qua (**)</u>. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán và <u>được ĐHCĐ thông qua (**)</u> phải được Công ty công bố trên trang thông tin điện tử Công ty (***) , công bố theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và <u>nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền (*)</u>.</p>	<p>(*) Quy định chung “<i>cơ quan nhà nước có thẩm quyền</i>” mà không liệt kê cụ thể nhằm tránh bỏ sót cơ quan cần nộp (như cơ quan thống kê) theo quy định hoặc khi luật điều chỉnh.</p> <p>(**) Điều chỉnh phù hợp Khoản 2 Điều 175 và Khoản 1 Điều 176 LDN</p> <p>(***) Điều chỉnh phù hợp Khoản 2 Điều 176 LDN</p>

ĐIỀU LỆ GIA ĐÌNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
<p>3. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</p>	<p>3. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</p>	<p>- Theo điểm a Khoản 1 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán quy định: “<i>Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;</i>”</p>
<p>4. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của <u>Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.</u></p>	<p>4. Công ty phải lập và <u>công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và <u>nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</u></u></p>	<p>- Theo điểm a khoản 1 Điều 120 LCK quy định về việc công bố: “<i>Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo tài chính 06 tháng đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, báo cáo tài chính quý;</i>”</p>
<p>5. [...], báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p>	<p><u>[...] được quy định tại Khoản 2 Điều 50</u></p>	
<p>6. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp (*).</p>	<p>Hủy bỏ</p>	<p>(*) được quy định tại Khoản 5 Điều 48 Thông tư 95/2017/TT-BTC – hiện quy định này đã hết hiệu lực. Đồng thời theo quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 12 và điểm b khoản 1 Điều</p>

ĐIỀU LỆ GIA ĐỊNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
		44 dự thảo điều lệ sửa đổi thì chỉ có cổ đông sở hữu 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên mới được quyền trích lục báo cáo tài chính.
<p>7. Hàng quý, năm Công ty phải lập báo cáo tài chính gửi về Tổng công ty (Công ty mẹ) và các cơ quan theo quy định của Bộ Tài chính và Điều lệ Công ty. Định kỳ, Công ty có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính cho Tổng công ty (Công ty mẹ) để Tổng công ty (Công ty mẹ) lập báo cáo tài chính hợp nhất toàn Tổng Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>5. Hàng năm Công ty phải lập báo cáo tài chính gửi về Tổng công ty (Công ty mẹ) và các cơ quan theo quy định của Bộ Tài chính và Điều lệ Công ty. Định kỳ, Công ty có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính cho Tổng công ty (Công ty mẹ) để Tổng công ty (Công ty mẹ) lập báo cáo tài chính hợp nhất toàn Tổng Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>Chỉ áp dụng báo cáo tài chính năm vì theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC. Tổng công ty (Công ty mẹ) phải công bố 02 báo cáo: Báo cáo tài chính năm của riêng đơn vị mình và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Vì vậy, doanh nghiệp có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính năm cho Công ty mẹ.</p>
<p>10. Báo cáo và tài liệu do HĐQT chuẩn bị; báo cáo thẩm định của BKS và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính của công ty chậm nhất mười ngày (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của ĐHĐCĐ.</p>	<p>8. Báo cáo và tài liệu do HĐQT chuẩn bị, báo cáo thẩm định của BKS và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 4 Điều 175 LDN</p>

ĐIỀU LỆ GIA ĐỊNH HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ/ LÝ DO
Điều 66: Công khai thông tin về công ty cổ phần 2. Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm phải được thông báo đến tất cả các cổ đông. 3. Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm của Công ty tại cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.	Hủy bỏ	Hết hiệu lực (quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 129 Luật Doanh nghiệp 2005)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.
Trân trọng

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA ĐỊNH

DỰ THẢO

**Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần cấp nước Gia Định**

TP.HCM, tháng 04 năm 2023

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.....	2
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	2
Điều 2. Giải thích từ ngữ.....	2
Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT.....	3
CHƯƠNG II.....	3
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	3
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ thành viên HĐQT.....	3
Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT.....	4
Điều 6. Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT.....	4
Điều 7. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT.....	4
Điều 8. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT.....	4
Điều 9. Chủ tịch HĐQT.....	5
Điều 10. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT.....	6
Điều 11. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.....	7
Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.....	7
CHƯƠNG III.....	7
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	7
Điều 13. Nghĩa vụ và quyền hạn của HĐQT.....	7
Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	8
Điều 15. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHCĐ bất thường.....	8
Điều 16. Bộ máy giúp việc HĐQT.....	8
Điều 17. Chương trình hoạt động của HĐQT.....	9
CHƯƠNG IV.....	9
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	9
Điều 18. Các cuộc họp của HĐQT.....	9
Điều 19. Biên bản họp và nghị quyết HĐQT.....	10
Điều 20. Lấy ý kiến thành viên HĐQT.....	10
CHƯƠNG V.....	11
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH.....	11
Điều 21. Trình báo cáo hằng năm.....	11
Điều 22. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT.....	11
Điều 23. Công khai các lợi ích liên quan.....	12
CHƯƠNG VI.....	12
MỐI QUAN HỆ CỦA HĐQT.....	12
Điều 24. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT.....	12
Điều 25. Mối quan hệ với ban điều hành.....	13
Điều 26. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.....	13
CHƯƠNG VII.....	13
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	13
Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Quy chế.....	13
Điều 28. Điều khoản thi hành.....	13

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-GD-HĐQT ngày /..... /.....
của Hội đồng quản trị Công ty)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 ("Luật doanh nghiệp");
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 ("Luật Chứng khoán");
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số [...] ngày [...] tháng [...] năm [...]

HĐQT của Công ty ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị ("**Quy chế Hội đồng quản trị**") bao gồm các nội dung sau đây:

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của HĐQT và các thành viên HĐQT, cơ chế làm việc và mối quan hệ hoạt động của HĐQT và với Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng đối với HĐQT, các thành viên HĐQT.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ trong Quy chế này được hiểu như sau:

1. Công ty là Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định.
2. Điều lệ Công ty là Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định hiện hành.
3. ĐHĐCĐ là Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định.

4. HĐQT là Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT

1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, thể hiện bằng quyết định, nghị quyết của HĐQT và đề cao trách nhiệm của mỗi thành viên HĐQT. Thành viên HĐQT có trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công, cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và trước pháp luật về các quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của Công ty.
2. Mọi hoạt động của HĐQT, bộ máy giúp việc HĐQT phải bảo đảm sự giám sát của ĐHĐCĐ và tuân thủ quy định của Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.
3. HĐQT giao trách nhiệm cho Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

CHƯƠNG II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên HĐQT có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành của Công ty và được trả lương và phụ cấp tương ứng với chức vụ đó. Tuy nhiên phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành.
3. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ, và các nghĩa vụ sau:
 - a. Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - b. Cùng với thành viên khác của HĐQT, quản trị công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.
 - c. Tham gia phiên họp HĐQT, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc phiên họp. Chịu trách nhiệm cá nhân trước ĐHĐCĐ và trước HĐQT về quyết định của mình.
 - d. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành công ty, kiểm toán viên độc lập giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.
 - e. Triển khai thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
4. Thành viên HĐQT là Giám đốc ngoài việc phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT còn là đại diện theo pháp luật của Công ty, là người có quyền tổ chức và điều hành cao nhất hoạt động thường nhật của công ty theo

những thông lệ quản lý tốt nhất, chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước ĐHĐCĐ và pháp luật.

5. Thành viên HĐQT độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT.
6. Thành viên HĐQT có thể uỷ quyền bằng văn bản cho thành viên khác thuộc HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình và thuộc phạm vi trách nhiệm của HĐQT.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

Điều 6. Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT

1. HĐQT thống nhất phân công, uỷ quyền cho từng thành viên HĐQT trực tiếp theo dõi, phụ trách một hoặc một số mặt công tác để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của HĐQT.
2. Việc phân công nhiệm vụ cho thành viên HĐQT phải được thực hiện bằng văn bản. Trường hợp các nội dung công việc chưa được quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn xử lý, thì thành viên HĐQT được phân công trực tiếp phụ trách có trách nhiệm phản ánh với Chủ tịch HĐQT để thống nhất hướng giải quyết.

Điều 7. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 07 thành viên.
2. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục hoạt động cho đến khi ĐHĐCĐ bầu ra HĐQT nhiệm kỳ mới. Nhiệm kỳ đầu tiên của HĐQT là (2007-2012).

Điều 8. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện được quy định khoản 4 tại Điều 25 Điều lệ Công ty.
2. Thành viên HĐQT độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây.
 - a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;

- c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e. Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
3. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập HĐQT có liên quan.

Điều 9. Chủ tịch HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT do các thành viên HĐQT bầu chọn theo quy định tại Điều lệ Công ty bằng thể thức trực tiếp bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết công khai. Trong trường hợp các ứng cử viên chủ tịch HĐQT có phiếu bầu ngang nhau thì ứng cử viên sở hữu hoặc đại diện sở hữu cổ phần cao hơn được trúng cử.
2. Chủ tịch HĐQT Công ty không được kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty. Ngoài các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, Chủ tịch HĐQT còn có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Đảm bảo các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà HĐQT phải xem xét.
 - b. Thường xuyên có những chỉ đạo kịp thời các hoạt động của Công ty, xây dựng mối quan hệ tốt giữa HĐQT và Giám đốc Công ty; Khi cần thiết Chủ tịch HĐQT có thể triệu tập cuộc họp giao ban để thu thập tình hình và đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT.
 - c. Được ủy quyền và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền của mình;
 - d. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.
3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành

viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

4. Ngoài các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty, Chủ tịch HĐQT còn có các quyền và nghĩa vụ như sau:
 - a. Phụ trách quản lý chung hoạt động của HĐQT và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo khoản 3 Điều 29 Điều lệ Công ty.
 - b. Trực tiếp phụ trách một hoặc một số mặt công tác để giải quyết những công việc khác đã được HĐQT giao quyền hoặc được pháp luật quy định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT.
 - c. Tổ chức thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT, thay mặt HĐQT ký duyệt nghị quyết, quyết định của HĐQT và giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
 - d. Phê duyệt các dự án hay quyết định đầu tư do Giám đốc trình theo ủy quyền của HĐQT.
 - e. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên và xây dựng chương trình công tác của HĐQT để thực hiện việc quản trị hoạt động của Công ty.
 - f. Có trách nhiệm tham gia các cuộc họp của cơ quan, đơn vị theo giấy mời Chủ tịch HĐQT hoặc đại diện HĐQT.
 - g. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm tham dự các cuộc họp giao ban định kỳ của Công ty; có quyền trực tiếp gặp gỡ, trao đổi và nhận thông tin, tài liệu từ các cán bộ, nhân viên về hoạt động của Công ty
 - h. Chủ tịch HĐQT có thể uỷ quyền bằng văn bản cho các thành viên khác trong HĐQT đảm nhiệm một hay một số công việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Điều 10. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT

1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Các trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục theo quy định tại Điều lệ Công ty, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên độc lập HĐQT giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ Công ty;

- c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 11. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Việc đề cử, ứng cử thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.
2. Việc đề cử, ứng cử thành viên, ứng viên, ứng cử viên vào HĐQT được thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông có quyền đề cử ứng cử viên HĐQT theo Điều lệ Công ty hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;
 - b. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên HĐQT. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT đề cử.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Điều lệ Công ty, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này. Việc HĐQT giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.
4. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và cách xác định người trúng cử được thực hiện theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ Công ty.
5. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT phải được thông báo theo quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Nghĩa vụ và quyền hạn của HĐQT

1. HĐQT thực hiện đầy đủ quyền hạn và nghĩa vụ theo Điều 27 Điều lệ Công ty.
2. HĐQT thay mặt ĐHĐCĐ quản lý Công ty, giám sát các hoạt động điều hành của Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác. HĐQT được toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành

viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - a. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - b. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - c. Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 15. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

1. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Thủ tục và trình tự triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có trách nhiệm thực hiện các công việc theo quy định tại Điều lệ Công ty và phải giải các quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông nếu có.

Điều 16. Bộ máy giúp việc HĐQT

1. Thư ký Công ty là bộ phận chuyên trách giúp việc của HĐQT và Ban Kiểm soát. Thư ký Công ty có nghĩa vụ, quyền hạn theo Điều 39 Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ, quyền hạn khác do HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao.
2. Thư ký Công ty có nhiệm vụ quản lý tài liệu, văn bản thuộc phạm vi công việc của HĐQT và công tác văn thư do Chủ tịch HĐQT ký duyệt.
3. Thư ký Công ty được phân quyền và có trách nhiệm quản trị sử dụng hệ thống phần mềm phục vụ công tác công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
4. Phòng Tổ chức Hành chính có nhiệm vụ phối hợp với Thư ký Công ty về nghiệp

- vụ hành chính, văn thư, kết chuyển tài liệu phục vụ họp HĐQT và đại hội cổ đông thường niên theo yêu cầu công tác.
5. Các Phòng, Ban, Đội Công ty có nhiệm vụ cung cấp thông tin, dự thảo các báo cáo, tờ trình và văn bản khác theo yêu cầu của Giám đốc, Chủ tịch HĐQT Công ty để phục vụ các phiên họp HĐQT, ĐHĐCĐ hoặc để công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Chương trình hoạt động của HĐQT

1. Chương trình hoạt động của HĐQT được xây dựng định kỳ theo quý và năm. Nội dung chương trình là báo cáo, đề án và tờ trình hoặc những vấn đề khác phát sinh theo yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty do thành viên HĐQT và Giám đốc đệ trình để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT theo Điều lệ Công ty.
2. Căn cứ vào nghị quyết của HĐQT và nhiệm vụ cụ thể được phân công, mỗi thành viên HĐQT phải có biện pháp cụ thể để thực hiện nhiệm vụ theo chương trình hoạt động của HĐQT.

CHƯƠNG IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 18. Các cuộc họp của HĐQT

1. HĐQT họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Thủ tục các cuộc họp định kỳ và bất thường được thực hiện theo Điều lệ Công ty.
2. Giám đốc, Kế toán trưởng được mời dự cuộc họp HĐQT để báo cáo và thuyết minh tình hình sản xuất kinh doanh hoặc các vấn đề khác có liên quan đến hoạt động của HĐQT. Trưởng ban Kiểm soát được mời dự cuộc họp HĐQT để thực hiện việc giám sát hoạt động của HĐQT và Giám đốc theo Điều lệ Công ty.
3. Cuộc họp HĐQT do Chủ tịch hoặc thành viên HĐQT được ủy quyền chủ trì và thực hiện theo trình tự như sau:
 - a. Thành viên hoặc Giám đốc trình bày các báo cáo và tờ trình theo chương trình họp, nêu rõ những vấn đề cần lấy ý kiến HĐQT.
 - b. Thành viên dự họp có thể chất vấn để người trình bày thuyết minh thêm nội dung cần thiết.
 - c. Các thành viên HĐQT phát biểu ý kiến, nói rõ tán thành hay không tán thành hoặc có ý kiến khác đối với các nội dung đã trình bày. HĐQT thông qua các quyết định bằng hình thức biểu quyết giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Các quyết định của HĐQT phải được quá nửa số thành viên HĐQT dự họp biểu quyết tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định của Chủ tịch HĐQT là quyết định cuối cùng.
 - d. Nếu có nội dung chưa rõ hoặc chưa được HĐQT thông qua, chủ tọa phiên họp có quyền yêu cầu chuẩn bị thêm và trình bày lại trong phiên họp tiếp theo.

Điều 19. Biên bản họp và nghị quyết HĐQT

1. Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Thư ký Công ty chịu trách nhiệm ghi biên bản phiên họp của HĐQT. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu như sau:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.
4. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
6. Căn cứ nội dung biên bản phiên họp, thư ký dự thảo Nghị quyết (*Phụ lục 1: Mẫu Nghị quyết HĐQT*) kỳ họp cũng như các quyết định liên quan để trình Chủ tịch HĐQT ký ban hành. Các nghị quyết, quyết định phải được gửi tới thành viên HĐQT, Giám đốc để thực hiện, Ban Kiểm soát để giám sát hoạt động của HĐQT. Khi cần thiết, thông báo cho Phòng, Ban, Đội, cấp ủy Đảng, tổ chức đoàn thể về những vấn đề có liên quan để biết.

Điều 20. Lấy ý kiến thành viên HĐQT

1. Khi phát sinh vấn đề khẩn cấp hoặc vấn đề có thể nghiên cứu bằng văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT mà xét thấy không cần thiết phải tổ chức cuộc họp HĐQT bất thường, thì Chủ tịch HĐQT có quyền tổ chức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.
2. Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng Phiếu ý kiến (*Phụ lục 2: Mẫu Phiếu ý kiến thành viên HĐQT*). Thời hạn chậm nhất để trả lời Phiếu ý kiến là 07 ngày hoặc theo yêu cầu thời hạn tại văn bản lấy ý kiến thành viên HĐQT.
3. Kết quả lấy ý kiến thành viên HĐQT được Thư ký Công ty tổng hợp thành Biên

bản tổng hợp ý kiến thành viên HĐQT (Phụ lục 3: Mẫu Biên bản tổng hợp Phiếu ý kiến thành viên HĐQT) làm cơ sở để ban hành Nghị quyết HĐQT.

4. Quyết định được HĐQT thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị tương đương với quyết định được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp HĐQT. Kết quả lấy ý kiến là hợp lệ khi ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có ý kiến và được thông qua theo ý kiến đa số.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 21. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 22. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.
6. Thành viên HĐQT có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.
7. Phòng làm việc của Chủ tịch và các thành viên HĐQT được đặt tại trụ sở của Công ty. Điều kiện, phương tiện làm việc, văn phòng phẩm phục vụ hoạt động của các thành viên HĐQT được áp dụng theo quy định chung của Công ty.

Điều 23. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên HĐQT của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI MỐI QUAN HỆ CỦA HĐQT

Điều 24. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch

HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 25. Mọi quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các nghị quyết, quyết định để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết và quyết định.

Điều 26. Mọi quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mọi quan hệ giữa HĐQT và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được HĐQT thông qua và thể hiện bằng văn bản mới có hiệu lực thi hành.

Điều 28. Điều khoản thi hành

Quy chế này là một phần không thể tách rời của Điều lệ Công ty và được áp dụng tại Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định. Những nội dung không nêu trong Quy chế này thì áp dụng theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA ĐỊNH

DỰ THẢO

**Quy chế nội bộ về quản trị
Công ty Cổ phần cấp nước Gia Định**

TP.HCM, tháng 04 năm 2023

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	3
QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Giải thích từ ngữ	4
Điều 3. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty	4
CHƯƠNG II	5
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	5
Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ.....	5
Điều 5. Cuộc họp ĐHĐCĐ.....	5
Điều 6. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.....	6
Điều 7. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	16
Điều 8. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến.	16
CHƯƠNG III	16
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	16
Điều 9. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT	16
Điều 10. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	17
Điều 11. Thù lao và lợi ích khác của Thành viên HĐQT	19
Điều 12. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT	19
Điều 13. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	23
Điều 14. Người phụ trách quản trị công ty	23
CHƯƠNG IV	24
BAN KIỂM SOÁT	24
Điều 15. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của thành viên BKS	24
Điều 16. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Kiểm soát viên	28
CHƯƠNG V	30
GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	30
Điều 17. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc, Người điều hành khác	31
Điều 18. Bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Người điều hành	32
CHƯƠNG VI	35
CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	35

Điều 19. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	35
Điều 20. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc	36
Điều 21. Phân cấp trong quản lý điều hành.....	38
Điều 22. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành khác.....	39
Điều 23. Giao dịch với người có liên quan	40
Điều 24. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty	41
Điều 25. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập	41
Điều 26. Đào tạo về quản trị Công ty	41
Điều 27. Công bố thông tin và minh bạch.....	41
Điều 28. Bổ sung và sửa đổi Quy chế quản trị.....	42
Điều 29. Ngày hiệu lực	42

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 (“Luật Doanh nghiệp”);
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“Luật Chứng khoán”);
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ của Công ty cổ phần Cấp nước Gia Định (sau đây gọi tắt là “**Công ty**”);
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số [...] ngày [...] tháng [...] năm [...]

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Gia Định ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (sau đây gọi tắt là “**Quy chế nội bộ**”), bao gồm các nội dung sau đây:

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ và văn bản khác như đề cập tại phần Căn cứ ở trên.
2. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ, HĐQT, Giám đốc và Người điều hành khác; trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc, Người điều hành khác và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

3. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc, Người điều hành khác và những người có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ trong Quy chế này được hiểu như sau:

1. Công ty là Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định.
2. Điều lệ Công ty là Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định hiện hành.
3. ĐHĐCĐ là Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định.
4. HĐQT là Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định.
5. BKS là Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định.
6. KSV là Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty được thực hiện theo mô hình sau:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. HĐQT: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, ngoại trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
3. BKS: Là cơ quan thực hiện nhiệm vụ giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
4. Giám đốc và Người điều hành khác: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát, quản lý của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
5. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng Người điều hành khác bao gồm các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các nhân sự khác theo phê chuẩn của HĐQT có trình độ, năng lực phù hợp và được tổ chức với nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty và có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 138 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
2. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết ĐHĐCĐ trước đó chưa được thực hiện, HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

Điều 5. Cuộc họp ĐHĐCĐ

1. HĐQT, BKS, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền triệu tập cuộc họp phải tuân thủ và thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
2. HĐQT, BKS, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền triệu tập cuộc họp sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm, thời gian hợp lý để các cổ đông tham dự, thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
3. Công ty sẽ nghiên cứu áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCĐ thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác trong điều kiện kỹ thuật cho phép và không phát sinh chi phí bất hợp lý. Việc áp dụng công nghệ thông tin nếu có sẽ được thông báo và đưa ra hướng dẫn chi tiết trong tài liệu cuộc họp cung cấp trước cho các cổ đông có quyền dự họp.
4. Thành viên HĐQT và thành viên BKS phải tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên HĐQT và thành viên BKS phải báo cáo bằng văn bản với HĐQT và BKS. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp ĐHĐCĐ thường niên và đại diện tổ

chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên của Công ty.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Thẩm quyền triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ: HĐQT, BKS, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định có thẩm quyền triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ
 - a. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên Danh sách người sở hữu chứng khoán do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp và được lập không quá mười (10) ngày làm việc trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ.
 - b. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có họ, tên, địa chỉ (theo đăng ký của cổ đông), quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/ số Giấy chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
 - c. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện như sau:
 - i. Người yêu cầu có văn bản gửi Giám đốc yêu cầu cung cấp thông tin, nêu rõ: (i) tài liệu, thông tin cần cung cấp và (ii) lý do cần cung cấp thông tin. Văn bản này phải đồng thời gửi cho Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS được biết. Việc yêu cầu thông tin đảm bảo nguyên tắc: Nội dung thông tin yêu cầu cung cấp thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- ii. Giám đốc có trách nhiệm giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin và phản hồi trong thời gian sớm nhất có thể cho người yêu cầu. Người yêu cầu có nghĩa vụ bảo mật các thông tin mật nếu có và tự chịu trách nhiệm việc sử dụng thông tin đã được cung cấp;
 - d. Công ty phải công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
3. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ:
- a. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải được gửi cho tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch, trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được người triệu tập ĐHĐCĐ gửi cho cổ đông ít nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).
 - b. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp nếu có.
 - c. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp ĐHĐCĐ có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc.
 - d. Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận và tải tài liệu, bao gồm:
 - i. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - ii. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, KSV;

- iii. Phiếu biểu quyết;
- iv. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- v. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Chương trình, nội dung họp ĐHĐCĐ:

- a. Người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp và thực hiện các công việc như quy định tại Điều lệ Công ty.
- b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/ Giấy chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- c. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Điểm d. Khoản 4 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.
- d. Trường hợp người triệu tập họp ĐHĐCĐ từ chối kiến nghị quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - i. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này;
 - ii. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;
 - iii. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông theo quy định;
 - iv. Các trường hợp khác do Điều lệ Công ty và pháp luật quy định nếu có.

5. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ:

- a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
- b. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải được ký kết, sử dụng theo quy định sau đây:
 - i. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự, trong đó nêu rõ thông tin của cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung, phạm vi và thời hạn ủy quyền;
 - ii. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền phải xuất trình, nộp văn bản ủy quyền họp lệ khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty)
- c. Trừ trường hợp pháp luật có quy định bắt buộc khác đi, hoặc trường hợp thông báo họp lệ về một các sự kiện dưới đây đã được gửi đến Công ty trước thời gian khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi:
 - i. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - ii. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - iii. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Khi xảy ra các sự kiện nêu trên, cổ đông và/hoặc người được ủy quyền bắt buộc phải có trách nhiệm thông báo cho Công ty. Trường hợp không thông báo mà vẫn tiếp tục thực hiện công việc ủy quyền dẫn đến tranh chấp xảy ra thì cổ đông/người thừa kế/người được ủy quyền phải chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với mọi chi phí, thiệt hại phát sinh từ việc không thông báo.

6. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ
 - a. Cổ đông, Người được ủy quyền dự họp có thể đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ qua điện thoại, fax, thư điện tử, nhưng vẫn phải mang theo và xuất trình thư triệu tập, giấy tờ tùy thân, giấy ủy quyền và các giấy tờ liên quan cần thiết với Ban tổ chức đại hội để đăng ký tại nơi tổ chức đại hội.

- b. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự như sau:
 - i. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và/hoặc phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền (nếu có) và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó;
 - ii. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến dự họp ĐHĐCĐ sau khi khai mạc cuộc họp có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
7. Điều kiện tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ
 - a. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết.
 - b. Trường hợp không đủ điều kiện tiến hành cuộc họp theo quy định tại Điểm a khoản 7 Điều 5 thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
 - c. Trường hợp đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành cuộc họp theo quy định tại Điểm b Khoản 7 Điều 5 thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại ĐHĐCĐ lần thứ nhất.
8. Hình thức thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ: ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp.
9. Cách thức bỏ phiếu

- a. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số phiếu tán thành nghị quyết được thu trước, số phiếu không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.
- b. Thẻ biểu quyết
 - i. Thẻ biểu quyết được sử dụng đối với các nội dung biểu quyết công khai như: Thông qua nhân sự Chủ tọa, Đoàn Thư ký, Ban kiểm phiếu; Chương trình làm việc của Đại hội; Quy chế tham gia đề cử, ứng cử; Danh sách đề cử, ứng cử; Thẻ lệ bầu cử; Biên bản, Nghị quyết Đại hội và một số nội dung thảo luận phát sinh ngay tại Đại hội và được ĐHĐCĐ thông qua;
 - ii. Cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa để lấy ý kiến biểu quyết theo các phương án Đồng ý (tán thành) hoặc Không đồng ý (không tán thành) hoặc Không có ý kiến.
- c. Phiếu biểu quyết:
 - i. Cổ đông biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết đối với các nội dung chính của Đại hội (trừ các vấn đề được biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết) bằng cách đánh dấu chéo “X” hoặc tích “√” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” hoặc “Không có ý kiến” của từng nội dung được nêu trong Phiếu biểu quyết;
 - ii. Phiếu biểu quyết không hợp lệ là Phiếu biểu quyết không do Công ty phát hành; ghi thêm nội dung, thông tin, ký hiệu khác ... khi không được Chủ tọa yêu cầu; Phiếu biểu quyết bị gạch xóa, sửa chữa, rách không còn nguyên vẹn nội dung. Phiếu biểu quyết không thể hiện rõ ràng ý kiến của cổ đông, không đánh dấu ý kiến nào hoặc đánh dấu từ hai ý kiến trở lên đối với một nội dung cần lấy ý kiến biểu quyết thì phần biểu quyết đối với nội dung đó là không hợp lệ;
 - iii. Trong một Phiếu biểu quyết, các nội dung cần lấy ý kiến được biểu quyết độc lập với nhau. Sự không hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung khác;

- iv. Trường hợp cổ đông biểu quyết nhằm hoặc Phiếu biểu quyết không còn nguyên vẹn, cổ đông có thể liên hệ với Ban tổ chức để được cấp lại Phiếu biểu quyết mới và phải nộp lại Phiếu biểu quyết cũ;
 - v. Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội nhưng vì lý do quan trọng không thể có mặt đến hết chương trình Đại hội, cổ đông đó phải gửi lại Phiếu biểu quyết đã biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến cho Ban tổ chức trước khi ra về. Nếu cổ đông nào không gửi lại Phiếu biểu quyết cho Ban kiểm phiếu thì xem như cổ đông đó đồng ý đối với các vấn đề cần lấy ý kiến;
 - vi. Thời gian bỏ phiếu được tính từ khi Chủ tọa hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo bắt đầu bỏ phiếu cho đến khi không còn cổ đông/ đại diện cổ đông nào bỏ phiếu vào thùng phiếu.
- d. Phiếu bầu cử:
- i. Phiếu bầu cử được sử dụng trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, KSV. Việc bầu cử thành viên HĐQT và KSV được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một ứng cử viên hoặc chia số phiếu bầu của mình để bầu cho mỗi ứng cử viên mà mình lựa chọn với số phiếu bầu khác nhau, với điều kiện tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên đó không được cao hơn tổng số phiếu bầu mà mình có;
 - ii. HĐQT hướng dẫn chi tiết cách thức bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu để ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành bầu cử;
 - iii. Người trúng cử được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất đến khi đủ số thành viên cần bầu;
 - iv. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên có cùng số phiếu bầu mà cần phải loại bớt để đạt đủ số lượng thành viên cần bầu thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau để chọn và khi đó người trúng cử là người có số phiếu bầu cao hơn;
 - v. Trường hợp sau khi bầu lại lần thứ hai mà số phiếu vẫn bằng nhau thì sẽ ưu tiên lựa chọn người sở hữu số cổ phần trong Công ty cao hơn. Nếu các ứng cử viên này có số lượng cổ phần sở hữu ngang nhau thì dựa

trên các tiêu chí khác như: trình độ chuyên môn, thành tích, thâm niên công tác, ... để lựa chọn.

10. Cách thức kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp ĐHĐCĐ: ĐHĐCĐ bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản thống kê số phiếu Đồng ý, Không đồng ý, Không có ý kiến, Không hợp lệ của ĐHĐCĐ đối với từng vấn đề biểu quyết để báo cáo Chủ tọa. Ban kiểm phiếu hoặc Chủ tọa sẽ công bố kết quả kiểm phiếu từng vấn đề sau khi tiến hành biểu quyết.
11. Điều kiện để Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua.
 - a. Nghị quyết được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông hoặc thông qua Đại diện được ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành đối với các nội dung sau đây:
 - i. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - ii. Thay đổi, bổ sung ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - iii. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - iv. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - b. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông hoặc thông qua Đại diện được ủy quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ các trường hợp khác được quy định tại Điểm a và Điểm e Khoản 11 Điều 5 này và Khoản 3,4, và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp
 - c. Các Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
 - d. Nghị quyết ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành.
 - e. Bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại điểm d khoản 9 Điều 5 Quy chế này.

12. Cách thức phản đối Nghị quyết ĐHĐCĐ

- a. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, thành viên HĐQT, KSV, Giám đốc, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:
 - i. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 11 Điều 5 Quy chế này;
 - ii. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.
- b. Trường hợp nghị quyết của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày quyết định hủy bỏ có hiệu lực pháp luật theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
- c. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết ĐHĐCĐ theo quy định, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực pháp luật, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

13. Biên bản họp ĐHĐCĐ

- a. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - ii. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
 - iii. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - iv. Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;
 - v. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - vi. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

- vii. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - viii. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.
 - ix. Họ, tên và chữ ký của Chủ tọa và thư ký. Trường hợp Chủ tọa, thư ký từ chối ghi biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả các thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
- b. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và có thể thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
 - c. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản.
 - d. Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và ý kiến phản đối đó được chấp thuận bởi người có thẩm quyền ký biên bản họp.

14. Công bố Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ

Biên bản họp, Nghị quyết ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết, thông báo mời họp (nếu có) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi kết thúc cuộc họp đồng thời báo cáo đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo quy định và lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty và có thể gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Điều 7. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

1. Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản: Ngoại trừ cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên phải được tổ chức và thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, HĐQT có quyền tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

Điều 8. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến.

Việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức tổ chức hội nghị trực tuyến sẽ được Công ty nghiên cứu áp dụng trong điều kiện kỹ thuật cho phép và không phát sinh chi phí bất hợp lý. Việc áp dụng công nghệ thông tin và tổ chức họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến nếu có sẽ được thông báo và đưa ra hướng dẫn chi tiết trong tài liệu cuộc họp cung cấp trước cho các cổ đông có quyền dự họp trên nguyên tắc tuân thủ Điều lệ và quy định pháp luật có hiệu lực vào thời điểm tổ chức họp ĐHĐCĐ.

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 9. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT

1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. HĐQT, thành viên HĐQT có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT.

Điều 10. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT tuân thủ theo quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT: Thành viên HĐQT phải đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, ngoài ra cần có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật và có sức khỏe để thực hiện công việc được giao.
3. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT
 - a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền đề cử các ứng viên HĐQT theo tỷ lệ như sau:
 - i. Từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên;
 - ii. Từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
 - iii. Từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;
 - iv. Từ 50% đến dưới 70% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;
 - v. Từ 70% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;
 - b. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử thành viên HĐQT bao gồm:
 - i. Đơn ứng cử (đề cử) tham gia HĐQT (theo mẫu do Công ty ban hành kèm theo tài liệu họp ĐHCĐ);
 - ii. Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu do Công ty ban hành kèm theo tài liệu họp ĐHCĐ), tối thiểu phải gồm những nội dung sau đây:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - Trình độ học vấn;
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
 - Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang làm thành viên HĐQT Công ty;
 - Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - Các thông tin khác (nếu có).
- iii. Giấy ủy quyền đề cử hợp lệ (trong trường hợp cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử);
- iv. Bản sao y hợp lệ các giấy tờ: Chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu, hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn;
- v. Danh sách kê khai người có liên quan đến ứng viên (theo mẫu do Công ty ban hành kèm theo tài liệu hợp ĐHĐCĐ);
- c. Trường hợp đã xác định trước ứng viên HĐQT Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc hợp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT.
- d. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).
4. Cách thức bầu thành viên HĐQT
- a. Cách thức bầu thành viên HĐQT và cách xác định người trúng cử được thực hiện theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều 5 Quy chế này.
- b. Trong trường hợp chỉ bầu bổ sung một thành viên HĐQT và chỉ có một ứng cử viên ứng cử hoặc đề cử vào HĐQT, ĐHĐCĐ có thể thực hiện bầu bổ sung theo phương thức biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết như quy định tại Điểm

- b, Điểm c, Khoản 9 Điều 5 Quy chế này thay cho Phiếu bầu. Việc này sẽ được tiến hành trong trường hợp ĐHĐCĐ đồng ý phương thức như trên.
5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT: tuân theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT.
 6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT: Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện liên quan đến việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm thành viên HĐQT và cung cấp cho Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán bản cung cấp thông tin của thành viên HĐQT mới theo quy định.
 7. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT: Việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT tuân theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 11. Thù lao và lợi ích khác của Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT được nhận thù lao và các khoản lợi ích khác nếu có theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động HĐQT.

Điều 12. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT

1. Số lượng cuộc họp HĐQT: HĐQT có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp của HĐQT do Chủ tịch HĐQT triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
2. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
3. Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường: Chủ tịch HĐQT triệu tập các cuộc họp bất thường trong các trường hợp quy định tại Điều lệ Công ty.
4. Thông báo họp HĐQT
 - a. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải lập chương trình nghị sự, thời gian, địa điểm họp và chủ trì các cuộc họp HĐQT.
 - b. Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước khi tổ chức họp. Thông báo họp Hội đồng phải thông tin đầy đủ về chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những

tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp và các phiếu biểu quyết cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

- c. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các KSV như đối với các thành viên HĐQT.
5. Quyền dự họp HĐQT của thành viên BKS: Thành viên BKS có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
 6. Điều kiện tổ chức họp HĐQT:
 - a. Các cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT dự họp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) hợp lệ theo quy định tại Quy chế này.
 - b. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định tại Điểm a, Khoản 6 Điều này, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp trực tiếp hoặc thông qua người đại diện.
 - c. Các hình thức tổ chức cuộc họp HĐQT
 - i. Họp trực tiếp;
 - ii. Họp trực tuyến hoặc các hình thức tương tự khác: Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên có quyền dự họp đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - Nghe từng thành viên khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp trực tuyến được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

7. Cách thức biểu quyết

- a. Trừ quy định tại Điểm b dưới đây, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết.
- b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên HĐQT sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
- c. Theo quy định tại Điểm d dưới đây, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho Chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của Chủ tọa liên quan đến vấn đề này là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ.
- d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 6 Điều 42 Điều lệ Công ty sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
- e. Thành viên HĐQT vắng mặt có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

8. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT

- a. Nghị quyết của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên có quyền biểu quyết dự họp tán thành; trường hợp số phiếu tán thành và phản đối

ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

- b. Căn cứ các nội dung, quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành các nghị quyết của HĐQT.
 - c. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
9. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên HĐQT: Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
 10. Lập biên bản họp HĐQT: Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng và tuân thủ theo quy định tại Điều lệ Công ty.
 11. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, e, f, g và h khoản 1 Điều 23 Điều lệ Công ty thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp HĐQT. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.
 12. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT
 - a. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên HĐQT, BKS và Giám đốc Công ty, và biên bản đó được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi và phản đối này được chấp thuận bởi những người ký biên bản.
 - b. Các nghị quyết của HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT, KSV để giám sát; gửi cho Giám đốc để tổ chức thực hiện.
 - c. Các nội dung nghị quyết thuộc phạm vi phải công bố thông tin sẽ được công bố thông tin theo quy định pháp luật.

Điều 13. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Khi cần thiết, HĐQT có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, lương thưởng, nhân sự, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Việc thành lập các tiểu ban phải được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ.
2. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập HĐQT/thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT.
3. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà HĐQT đề ra. Tiểu ban có nhiệm vụ, kiểm tra, rà soát, thu thập thông tin đối với các vấn đề mà HĐQT giao hoặc do Giám đốc đề xuất, đưa ra các khuyến nghị để HĐQT xem xét quyết định.
4. Trường hợp Công ty không thành lập các tiểu ban thì HĐQT có thể cử thành viên HĐQT độc lập phụ trách riêng về từng vấn đề liên quan.

Điều 14. Người phụ trách quản trị công ty

1. HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có hiểu biết về pháp luật;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của HĐQT.
3. HĐQT có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.
4. Công ty tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người quản trị Công ty trong nội bộ Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và KSV;
- g. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của thành viên BKS

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS:
 - a. BKS có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định dưới đây, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về các hoạt động của mình.
 - i. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
 - ii. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm, sáu (06) tháng và báo cáo tài chính quý của Công ty; báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ

- iii. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;
- iv. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty;
- v. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- vi. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- vii. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Giám đốc vi phạm quy định về trách nhiệm của Người quản lý công ty tại Điều 165 Luật doanh nghiệp, BKS phải thông báo ngay bằng văn bản cho HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- viii. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công ty;
- ix. KSV có nghĩa vụ tham dự ĐHĐCĐ thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, KSV phải báo cáo bằng văn bản với HĐQT và BKS;
- x. Có quyền sử dụng tư vấn chuyên nghiệp độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các nhiệm vụ được giao nếu thấy cần thiết;

- xi. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- xii. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- xiii. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của người điều hành Công ty;
- xiv. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận;
- xv. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý;
- xvi. Tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;
- xvii. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông;
- xviii. Yêu cầu HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ;
- xix. Thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- xx. Đề nghị Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT;
- xxi. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;
- xxii. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- xxiii. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- xxiv. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên HĐQT, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động;
- xxv. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Giám đốc và cổ đông;

- xxvi. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác, BKS phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- xxvii. Xây dựng Quy chế BKS và trình ĐHĐCĐ thông qua;
- xxviii. Chứng kiến, giám sát HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ;
- xxix. Trường BKS điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên HĐQT còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- xxx. Thành viên HĐQT, Giám đốc và người điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của BKS. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của ĐHĐCĐ và của HĐQT, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên HĐQT phải được cung cấp cho các KSV vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên HĐQT.
- b. Tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, ngoài các nội dung báo cáo theo quy định tại Điều lệ Công ty, BKS còn phải báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của các đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Giám đốc, người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- c. KSV có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc. Thành viên HĐQT, Giám đốc và người điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của KSV hoặc BKS.

2. Trách nhiệm của KSV

- a. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
- b. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.
- c. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- d. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- e. Trường hợp vi phạm quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 2 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì KSV phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà KSV có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
- f. Trường hợp phát hiện có KSV vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến BKS; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 16. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Kiểm soát viên

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu KSV
 - a. Số lượng KSV của Công ty là tối đa năm (05) thành viên. Nhiệm kỳ của KSV không quá năm (05) năm và KSV có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
 - b. Trường hợp KSV có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà KSV nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì KSV đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi KSV nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
 - c. Các KSV bầu một người trong số họ có đủ điều kiện theo quy định làm Trưởng BKS theo nguyên tắc đa số. Trưởng BKS phải đáp ứng đủ điều kiện và có các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Tiêu chuẩn và các điều kiện của KSV: theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định sau:

- a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.
 - b. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty mẹ, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.
 - c. Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.
 - d. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
 - e. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - f. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
3. Đề cử, ứng cử thành viên BKS: theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định dưới đây:
- a. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết:
 - Từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa một (01) ứng viên;
 - Từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
 - Từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
 - Từ 50% trở lên được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
 - b. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử KSV được thực hiện tương tự quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 10 Quy chế này.
 - c. Ứng viên KSV phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm KSV.

4. Cách thức bầu KSV: Cách thức bầu và cách xác định người trúng cử KSV được thực hiện theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều 5 Quy chế này.
5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV: Theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 37 Điều lệ Công ty.
6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV
 - a. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên BKS, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên BKS phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm KSV.
 - b. Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện liên quan đến việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm KSV và cung cấp cho Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán bản cung cấp thông tin của thành viên BKS mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm Thông tư 96/2020/TT-BTC.
7. Tiền lương và quyền lợi khác của KSV
 - a. KSV được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của BKS.
 - b. KSV được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của BKS đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.
 - c. Tiền lương và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG V

GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 17. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc, Người điều hành khác

1. Giám đốc, Người điều hành khác theo quy định tại Khoản 4 Điều 2 Quy chế này, sau đây được gọi chung là Người điều hành, phải chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.
2. Ngoài các quyền và nghĩa vụ sau đây, Người điều hành có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
 - a. Trường hợp khi thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Giám đốc phải báo cáo ngay với HĐQT để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Nếu HĐQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Giám đốc vẫn phải thực hiện, nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị tới BKS Công ty.
 - b. Giám đốc được quyền từ chối thi hành các quyết định của HĐQT nếu thấy nội dung quyết định đó trái quy định của pháp luật và phải báo cáo giải trình cho HĐQT và BKS bằng văn bản.
 - c. Ngoài những công việc phải trình HĐQT theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Giám đốc có quyền chủ động điều hành hoạt động của Công ty theo quy định phân cấp và phù hợp với quy trình làm việc được HĐQT ban hành; Giám đốc có quyền đưa ra các quyết định vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, địch họa, ...) nhưng phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình và phải báo cáo cho HĐQT ngay khi có thể.
 - d. HĐQT có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Giám đốc nếu xét thấy quyết định đó trái pháp luật, trái với Điều lệ, Nghị quyết, quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ hoặc gây tổn hại tới lợi ích của Công ty.
3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết/quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và/hoặc ĐHĐCĐ thông qua;
 - b. Quyết định tất cả các vấn đề không thuộc thẩm quyền của HĐQT và ĐHĐCĐ, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

- c. Kiến nghị số lượng và người điều hành mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành để HĐQT quyết định;
- d. Kiến nghị HĐQT thông qua số lượng người lao động, hệ thống thang, bảng lương của Công ty;
- e. Tuyển dụng lao động, tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của người lao động trong thẩm quyền;
- f. Vào quý 4 hàng năm, Giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty; kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- j. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Giám đốc và pháp luật.

Điều 18. Bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Người điều hành

- 1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện đối với Giám đốc, Phó giám đốc
 - a. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.
 - b. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2, Điều 18 Luật Doanh nghiệp.

- c. Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực được phân công, có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty;
 - d. Có kỹ năng lãnh đạo - quản lý, có năng lực tổng hợp, tổ chức chỉ đạo, triển khai và kiểm tra các công tác theo chức năng, nhiệm vụ được giao;
 - e. Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.
 - f. Ngoài tiêu chuẩn trên, Giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty mẹ và người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Kế toán trưởng
- a. Không thuộc các đối tượng mà pháp luật cấm không được làm kế toán, cụ thể là các đối tượng sau:
 - i Người chưa thành niên; người bị Tòa án tuyên bố hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự; người đang phải chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc
 - ii Người đang bị cấm hành nghề kế toán theo bản án hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; người đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tội phạm về chức vụ liên quan đến tài chính, kế toán mà chưa được xóa án tích;
 - iii Cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, anh, chị, em ruột của người đại diện theo pháp luật, của người đứng đầu, của giám đốc và của cấp phó của người đứng đầu, phó giám đốc phụ trách công tác tài chính - kế toán, kế toán trưởng trong cùng một đơn vị kế toán;
 - iv Người đang làm quản lý, điều hành, thủ kho, thủ quỹ, người được giao nhiệm vụ thường xuyên mua, bán tài sản trong Công ty.
 - b. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;
 - c. Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành Tài chính - Kế toán/ Kiểm toán hoặc tương đương;
 - d. Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng;
 - e. Thành thạo và có kinh nghiệm, kiến thức chuyên sâu về Kế toán tài chính, Kế toán quản trị;

- f. Có khả năng tổ chức, kiểm tra và triển khai công việc của Phòng Kế toán tài chính;
 - g. Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 05 năm trở lên;
 - h. Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.
3. Ứng cử, đề cử
- a. Thành viên HĐQT có quyền tự ứng cử (trừ Chủ tịch HĐQT) hoặc đề cử ứng viên cho chức danh Giám đốc. Trường hợp có nhiều ứng viên thì HĐQT có thể xem xét, phỏng vấn và thực hiện các công việc khác để đưa ra quyết định lựa chọn.
 - b. Giám đốc đề xuất các ứng viên Phó Giám đốc và Kế toán trưởng để HĐQT xem xét quyết định.
 - c. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử Người điều hành được thực hiện tương tự quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 10 Quy chế này.
4. Bổ nhiệm, ký Hợp đồng lao động với Người điều hành.
- a. HĐQT quyết định bổ nhiệm Người điều hành trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT.
 - b. Chủ tịch HĐQT hoặc một thành viên HĐQT được HĐQT ủy quyền sẽ ký kết hợp đồng lao động với Giám đốc và những người điều hành khác.
 - c. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn. Nội dung của hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động và Điều lệ Công ty.
5. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Người điều hành.
- a. HĐQT có thể miễn nhiệm Giám đốc khi có đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành (nếu Giám đốc là thành viên HĐQT thì không tính biểu quyết của Giám đốc trong trường hợp này) và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế.
 - b. Các trường hợp bãi nhiệm Người điều hành Công ty:
 - i Thành viên đó bị pháp luật cấm làm Người điều hành;
 - ii Không còn đáp ứng các tiêu chuẩn đối với Người điều hành Công ty;
 - iii Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - iv Theo quyết định của HĐQT.

- c. HĐQT có thể miễn nhiệm Người điều hành trong trường hợp sau:
 - i Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;
 - ii Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
 - iii Từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty.
 - d. Việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với Người điều hành bị bãi nhiệm, miễn nhiệm tuân thủ theo quy định tại Hợp đồng lao động với Người điều hành.
6. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Người điều hành: Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện liên quan đến việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành và cung cấp cho Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán bản cung cấp thông tin của Người điều hành mới theo quy định.
7. Tiền lương và các lợi ích khác của Người điều hành
- a. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do HĐQT quyết định và hợp đồng với những Người điều hành khác do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.
 - b. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 19. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

HĐQT, BKS làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Thành viên HĐQT, KSV phải tự chịu trách nhiệm về phần việc được phân công. Các cá nhân được quyền bảo lưu ý kiến của mình nếu ý kiến đó không được tập thể thống nhất.

Điều 20. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc

1. Thông báo mời họp HĐQT hoặc phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các KSV cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.
2. KSV có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận, góp ý kiến nhưng không được biểu quyết.
3. Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS có quyền tham dự tất cả các cuộc họp do Người điều hành chủ trì; có thể nêu ý kiến thảo luận nhưng không kết luận nội dung cuộc họp. Người triệu tập cuộc họp phải mời Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS tham dự các cuộc họp nêu trên.
4. Thành viên HĐQT nếu thấy cần thiết có quyền tham dự các cuộc họp do Người điều hành chủ trì. Thành viên HĐQT có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.
5. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của ĐHĐCĐ và của HĐQT, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên HĐQT phải được cung cấp cho các KSV vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên HĐQT.
6. Ngoài nghĩa vụ báo cáo theo quy định tại Điều 17 Quy chế này, mọi Quyết định và các văn bản, tài liệu về công tác chỉ đạo, điều hành của Giám đốc, người điều hành hoặc người được ủy quyền có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phải được gửi đến Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS để báo cáo.
7. Việc trao đổi thông tin/báo cáo có thể được thực hiện trực tiếp, qua thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT, BKS được đăng ký tại Công ty. Trên cơ sở các báo cáo của Giám đốc và báo cáo kết quả giám sát của BKS đối với hoạt động của Giám đốc, HĐQT tổ chức kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Giám đốc. Việc kiểm điểm được lập thành biên bản và được các thành viên HĐQT thống nhất thông qua.
8. Những vấn đề cần xin ý kiến, tham khảo ý kiến HĐQT trong quá trình thực hiện công việc.
 - a. Giám đốc xin ý kiến HĐQT khi:
 - i. Quyết định các công việc kinh doanh thuộc thẩm quyền phê chuẩn của HĐQT quy định tại Điều lệ Công ty;

- ii Việc thực hiện các dự án đầu tư đã được ĐHĐCĐ thông qua;
 - iii Các vấn đề phát sinh trong công tác điều hành vượt quá thẩm quyền của Giám đốc;
 - iv Các vấn đề khác mà Giám đốc nhận thấy cần xin ý kiến HĐQT hoặc HĐQT nhận thấy cần thiết phải tham gia ý kiến.
- b. BKS tham khảo ý kiến HĐQT khi:
- i Đề xuất về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập;
 - ii Đề xuất số lượng KSV;
 - iii Các báo cáo, kết luận, kiến nghị của BKS trước khi trình lên ĐHĐCĐ.

Ngoài ra, khi phát sinh các sự kiện ảnh hưởng đến hoạt động Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT hoặc phát sinh các vấn đề trong công tác điều hành vượt quá thẩm quyền của Giám đốc, Giám đốc/ BKS có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT.

9. Thành viên HĐQT, Giám đốc và Người điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của BKS. BKS có nghĩa vụ bảo mật các thông tin và chỉ tiết lộ theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc trong các trường hợp bắt buộc theo quy định pháp luật.
10. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc và người điều hành khác cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị trong Công ty. Việc yêu cầu cung cấp thông tin được thực hiện như sau:

Thành viên HĐQT có văn bản gửi Giám đốc yêu cầu cung cấp thông tin, nêu rõ: (i) tài liệu, thông tin cần cung cấp và (ii) lý do cần cung cấp thông tin. Văn bản này phải đồng thời gửi cho Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS được biết. Việc yêu cầu thông tin đảm bảo nguyên tắc: Nội dung thông tin yêu cầu cung cấp thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Thành viên HĐQT có nghĩa vụ bảo mật các thông tin và chỉ tiết lộ theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc trong các trường hợp bắt buộc theo quy định pháp luật.

11. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, KSV và Người điều hành: Việc phối hợp hoạt động, kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, KSV, Giám đốc và người điều hành khác được

thực hiện theo các Quy chế về quản trị nội bộ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS và phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 21. Phân cấp trong quản lý điều hành

1. Vào quý 4 hàng năm, Giám đốc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính và kế hoạch đầu tư các công trình xây dựng cơ bản cho năm tiếp theo trình HĐQT xem xét quyết định. Giám đốc có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch đã được HĐQT phê duyệt. Việc thực hiện các dự án đầu tư, công trình xây dựng và mua sắm phải tuân thủ theo quy định của Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các quy định của pháp luật.
2. Đối với các dự án xây dựng cơ bản mới phát sinh, không có trong kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được HĐQT phê duyệt hàng năm, Giám đốc phải lập hồ sơ trình HĐQT xem xét, quyết định trước khi thực hiện.
3. Đầu tư mở rộng địa bàn kinh doanh, ngành nghề sản xuất kinh doanh
Giám đốc đề xuất và lập dự án hoặc phương án kinh doanh khả thi đối với việc mở rộng địa bàn kinh doanh, ngành nghề kinh doanh trình HĐQT xem xét quyết định.
4. Đầu tư vào doanh nghiệp khác
Giám đốc đề xuất và lập kế hoạch đầu tư vào doanh nghiệp khác dưới các hình thức góp vốn liên doanh, liên kết, hợp đồng hợp tác kinh doanh, mua cổ phiếu, trái phiếu trình HĐQT xem xét thông qua chủ trương.
5. Đầu tư tài chính
Giao cho Giám đốc Công ty chủ động quyết định tiền gửi, lãi suất ngân hàng nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.
6. Công tác lao động tiền lương
Giám đốc xây dựng hệ thống thang, bảng lương, phụ cấp lương của Công ty trình HĐQT xem xét phê duyệt.
Hàng năm, Giám đốc xây dựng quỹ tiền lương và kế hoạch sử dụng lao động trình HĐQT xem xét phê duyệt.
7. Mua, bán, thuê, cho thuê, sang nhượng, thế chấp, thanh lý tài sản
Giám đốc đề xuất và lập kế hoạch mua, bán, thuê, cho thuê, vay, cho vay, sang nhượng, thế chấp, thanh lý tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài

sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trình HĐQT xem xét thông qua chủ trương, trừ các giao dịch quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp thuộc thẩm quyền chấp thuận của ĐHCĐ.

Chủ tịch HĐQT đại diện chủ sở hữu tài sản phê duyệt quyết định việc mua, bán, thuê, cho thuê, sang nhượng, thế chấp, thanh lý tài sản. Các hồ sơ, thủ tục còn lại của việc mua, bán, thuê, cho thuê, sang nhượng, thế chấp, thanh lý tài sản phân cấp cho Giám đốc ký duyệt và tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật.

8. Ký kết các hợp đồng tài chính, thương mại, dân sự

Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, được quyền ký kết các loại hợp đồng tài chính, thương mại, dân sự đã được HĐQT thông qua (có thể quy định rõ trong quyết định bổ nhiệm/ văn bản phân quyền hoặc tùy từng sự vụ có quyết định riêng biệt) phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Giám đốc phải trình HĐQT thông qua các hợp đồng giao dịch tài chính, thương mại, dân sự giữa Công ty với người có liên quan theo quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Điều 22. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và Người điều hành khác.

1. Đánh giá hoạt động

- a. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Giám đốc và Người điều hành khác. Các tiêu chuẩn đánh giá phải hài hòa giữa lợi ích lâu dài của người điều hành Công ty và cổ đông. Các tiêu chí định tính và định lượng được sử dụng để đánh giá HĐQT cần được cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm;
- b. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT;
- c. Việc đánh giá hoạt động của KSV được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS;
- d. Việc đánh giá hoạt động của Giám đốc và người điều hành khác được thực hiện theo tiêu chuẩn do HĐQT quy định.

2. Khen thưởng

- a. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại khoản 1 Điều này;
- b. Đối tượng: các cá nhân theo chế độ khen thưởng do HĐQT quy định;
- c. Hình thức thưởng:
 - i. Bằng tiền;
 - ii. Bằng cổ phiếu theo phương thức tùy chọn của HĐQT;
 - iii. Mức khen thưởng và hình thức khen thưởng do HĐQT quyết định trong phạm vi được ĐHĐCĐ phê chuẩn.

3. Kỷ luật

- a. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức;
- b. Thành viên HĐQT, Giám đốc và người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu hoặc khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Công ty và/hoặc quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, của cổ đông hoặc người khác thì phải bồi thường theo quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.

Điều 23. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin theo quy định.
2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua bán hàng hóa, dịch vụ của Công ty hay lũng đoạn giá cả.
3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty.

4. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty;

Điều 24. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.
2. Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Điều 25. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập

Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán phải được mời dự họp ĐHĐCĐ thường niên để phát biểu ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCĐ về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

Điều 26. Đào tạo về quản trị Công ty

Thành viên HĐQT, KSV, Người điều hành, Người phụ trách quản trị Công ty, Thư ký Công ty cần tham gia các khóa đào tạo cơ bản về quản trị công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận.

Điều 27. Công bố thông tin và minh bạch

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về theo các quy định có liên quan. Thông tin, cách thức và việc tổ chức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế công bố thông tin. Ngoài ra, Công ty phải công bố kịp thời và đầy đủ các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

- Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 28. Bổ sung và sửa đổi Quy chế quản trị

- Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.
- Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến quy chế quản trị của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị của Công ty.

Điều 29. Ngày hiệu lực

- Quy chế này gồm 6 Chương 29 Điều được ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Cấp nước Gia Định thông qua ngày ... tháng ... năm 2022.
- Quy chế quản trị này là chính thức của Công ty. Quy chế quản trị Công ty do HĐQT ban hành ngày hết hiệu lực kể từ khi quy chế này có hiệu lực.
- Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên HĐQT.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA ĐỊNH

DỰ THẢO
Sửa đổi, bổ sung
Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần cấp nước Gia Định
(Lần 2)

TP.HCM, tháng 04 năm 2023

Quy Chế cũ	Quy Chế mới	Thay đổi
	<p>Bổ sung các Căn cứ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019; - Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; - Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định; - Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng ... năm 2023; - Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định; - Ban Kiểm soát ban hành quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định bao gồm những nội dung sau : 	Bổ sung thêm
	ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ	
	Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:	
	1. Thành viên Ban kiểm soát là Kiểm soát viên.	Bổ sung thêm
CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG	

<p>Điều 1: Chức năng, nhiệm vụ</p> <p>Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Gia Định (gọi tắt là Ban Kiểm soát) là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông thành lập theo Luật Doanh nghiệp, đại diện cổ đông thực hiện chức năng kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty cổ phần Cấp nước Gia Định (gọi tắt là Công ty), nhằm đảm bảo mọi hoạt động của Công ty đúng pháp luật, Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Cấp nước Gia Định (gọi tắt là Điều lệ Công ty) và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (viết tắt là ĐHĐCĐ).</p> <p>Điều 2: Nguyên tắc hoạt động</p> <p>1. Mọi hoạt động của Ban Kiểm soát phải đảm bảo khách quan, trung thực, rõ ràng, minh bạch, căn cứ theo các quy định của Pháp luật, chế độ chính sách của Nhà nước, Điều lệ Công ty và các nghị quyết ĐHĐCĐ.</p> <p>2. Kiểm soát viên phải giữ bí mật trong quá trình kiểm soát. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, giám sát, trừ khi pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này cho phép.</p> <p>3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả kiểm tra.</p> <p>4. Trong quá trình kiểm tra, giám sát các thành viên Ban Kiểm soát không được làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Phòng-Ban-Đội đang được kiểm tra giám sát.</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.</p>	<p>Bổ sung thêm</p>
<p>CHƯƠNG II TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG</p>	<p>CHƯƠNG II - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT</p>	
<p>Điều 3: Cơ cấu tổ chức</p>	<p>Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát</p>	<p>Bổ sung thêm</p>

<p>1. Ban Kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên. Các kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</p>	<p>1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.</p>	<p>Bổ sung thêm</p>
<p>2. Kiểm soát viên có thể hoạt động kiêm nhiệm nhưng không được giữ chức vụ quản lý trong Công ty.</p>	<p>2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.</p>	<p>Bổ sung thêm</p>
<p>3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên:</p> <p>a. Là cổ đông hoặc người khác do cổ đông đề cử;</p> <p>b. Có kinh nghiệm và am hiểu về kỹ thuật, nghiệp vụ kinh doanh của Công ty.</p> <p>c. Là kiểm toán viên hoặc kế toán viên;</p> <p>d. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có hiểu biết pháp luật;</p> <p>e. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>f. Không phải là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Kế toán trưởng Công ty; vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.</p> <p>g. Không thuộc các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; - Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện 	<p>3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty; trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.</p> <p>6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải</p>	<p>Bổ sung thêm</p>

<p>kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>h. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định có liên quan và Điều lệ Công ty.</p>	<p>thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.</p>	
<p>Điều 4: Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát</p>	<p>Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát</p>	
<p>1. Thành viên Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ là 5 năm do Đại hội đồng cổ đông bầu và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</p> <p>3. Trường hợp khuyết chức danh Trưởng Ban Kiểm soát, các thành viên còn lại bầu Trưởng Ban Kiểm soát mới, báo cáo Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông gần nhất.</p>	<p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là từ ba 03 đến 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.</p> <p>3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.</p>	<p>Khoản 1 Điều 3 và Khoản 1 Điều 4</p> <p>Mới</p> <p>Khoản 1 Điều 3</p>
	<p>4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</p>	
<p>Điều 5: Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Ban Kiểm soát</p>	<p>Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát</p>	<p>Mục 3 Điều 3</p>
<p>1. Kiểm soát viên đương nhiên mất tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Bị chết hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng</p>	<p>1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p>	

<p>lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật dân sự hiện hành;</p> <p>b. Mất tư cách người đại diện của cổ đông do cổ đông là pháp nhân chấm dứt hoạt động hoặc cổ đông là cá nhân chết, hoặc bị tuyên bố chết, mất tích theo quyết định của Tòa án.</p> <p>2. Khi xảy ra các trường hợp trên, Trưởng Ban Kiểm soát hoặc kiểm soát viên khác trình Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông gần nhất.</p>	<p>a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;</p> <p>b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;</p> <p>c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;</p>	<p>Mục e Khoản 3 Điều 3</p> <p>Mục b,c, Khoản 4 Điều 3</p> <p>Mục f Khoản 3 Điều 3</p>
	<p>d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;</p>	<p>Mới</p>
	<p>đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p>	<p>Mục g Khoản 3 Điều 3</p>
	<p>e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;</p>	<p>Mục g Khoản 3 Điều 3</p>
	<p>g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.</p>	<p>Mới</p>
	<p>2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.</p>	<p>Mục f Khoản 3 Điều 3</p>

Điều 6: Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát	Bổ sung thêm
<p>Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo khoản 3 Điều 3 Quy chế này; 2. Có đơn từ chức và được chấp thuận; 3. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 6 tháng liên tục; 4. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; 5. Cổ đông, nhóm cổ đông đã đề cử có văn bản thôi làm Kiểm soát viên; 6. Cổ đông là tổ chức đã đề cử chấm dứt hoạt động theo quy định pháp luật; 7. Kiểm soát viên bị mất tư cách đại diện của cổ đông hoặc nhóm cổ đông do cổ đông hoặc nhóm cổ đông không còn sở hữu từ 10% số cổ phần trở lên theo điểm a Điều 3 của Quy chế này; 8. Bị mất tư cách đại diện của cổ đông hoặc nhóm cổ đông do cổ đông hoặc nhóm cổ đông thay thế người đại diện khác giữ chức danh thành viên Ban Kiểm soát. Trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông phải có văn bản gửi đến Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất xem xét và tiến hành bầu cử; 9. Kiểm soát viên vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn. 2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. 3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. 	<p>Khoản 1 Điều 3</p> <p>Khoản 1 Điều 3</p> <p>Mới</p>
Điều 7: Tổ chức cuộc họp của Ban Kiểm soát	Điều 7. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	Mới

<p>1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 2 lần trong một năm;</p> <p>2. Trưởng Ban kiểm soát triệu tập và chủ trì tất cả các cuộc họp của Ban. Trường hợp vắng mặt, Trưởng Ban uỷ quyền cho một Kiểm soát viên khác chủ trì. Cuộc họp được coi là hợp lệ khi có mặt ít nhất 2/3 số Kiểm soát viên tham dự.</p> <p>3. Quyết định của Ban Kiểm soát trong cuộc họp được coi là hợp lệ khi có hơn 50% thành viên tham dự phiên họp đồng ý; trường hợp các quyết định có tỷ lệ như nhau thì quyết định do Trưởng Ban kiểm soát;</p> <p>4. Biên bản họp của Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thủ ký và các kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp phải được lưu giữ tại Ban kiểm soát nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.</p> <p>5. Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập họp bất thường theo đề nghị của ít nhất 2 thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>6. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện Công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.</p>	<p>1.Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên.</p> <p>2.Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Chi tiết cụ thể</p> <p>Mới</p>
<p>Điều 8: Chế độ làm việc của Ban Kiểm soát</p>	<p>Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</p>	
<p>1. Biên bản làm việc của Ban Kiểm soát phải có đầy đủ chữ ký của các Kiểm soát viên và các cá nhân có liên quan tham dự cuộc họp (nếu có). Cá nhân có liên quan có quyền bảo lưu ý kiến của mình trên biên bản làm việc.</p> <p>2. Báo cáo kiểm tra: Kết quả thực hiện việc kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát thể hiện bằng báo cáo kiểm tra. Báo cáo kiểm tra trình Đại hội</p>	<p>1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu đôn phiếu; theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ</p>	<p>Khoản 4 Điều 6</p> <p>Mới</p>

đồng cổ đông, gửi Hội đồng quản trị, cổ đông và nhóm cổ đông có yêu cầu theo quy định tại điểm 6 Điều 48 Điều lệ Công ty và lưu trữ tại Ban Kiểm soát.

3. Ban kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể, kết hợp với chế độ trách nhiệm của từng thành viên. Kiểm soát viên được chủ động kiểm tra theo nhiệm vụ đã được Trưởng Ban Kiểm soát phân công, chịu trách nhiệm về nhiệm vụ được giao.

4. Giám sát là một biện pháp kiểm tra chủ yếu được Ban Kiểm soát thực hiện thường xuyên nhằm ngăn ngừa, phát hiện và kịp thời xử lý các vi phạm Điều lệ, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

5. Kiểm tra định kỳ cuối niên độ kế toán, sau khi Báo cáo tài chính của Công ty đã được một tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán theo quy định của pháp luật, Ban kiểm soát tiến hành thẩm định báo cáo tài chính. Việc thẩm định được hiểu là việc xem xét tính hợp lý, hợp lệ của báo cáo theo các quy định pháp luật hiện hành.

6. Kiểm tra đột xuất đối với những việc cần kiểm tra đột xuất để phát hiện sớm sai sót giúp công ty khắc phục kịp thời, Trưởng Ban Kiểm soát quyết định thời điểm và nội dung kiểm tra, sau khi tham khảo ý kiến Hội đồng quản trị và thông báo cho Giám đốc.

7. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Trưởng ban kiểm soát có trách nhiệm thông tin đầy đủ, kịp thời và thường xuyên trao đổi ý kiến với Chủ tịch Hội đồng quản trị về các vấn đề có liên quan đến công tác giám sát, kiểm tra.

8. Tất cả các báo cáo, kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát trước khi trình Đại hội cổ đông cần được trao đổi, thống nhất lấy ý kiến với Hội đồng quản trị, Giám đốc; phải được

đồng có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu từ cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

đưa ra lấy ý kiến tập thể trong Ban Kiểm soát và kết luận theo đa số.		
	Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	
	1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:	
	a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;	Khoản 1 Điều 6
	b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;	Khoản 2 Điều 6
	c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty quy định.	Mới
	2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:	
	a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;	Khoản 3 Điều 6
	b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;	Khoản 3 Điều 6
	c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;	Khoản 9 Điều 6
	d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.	Mới
	Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	Mới
	1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp	Mới

	Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:	
	a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;	
	b) Trình độ chuyên môn;	
	c) Quá trình công tác;	
	d) Các chức danh quản lý khác;	
	đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;	
	e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;	
	g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).	
	2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.	Mới
CHƯƠNG III NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT	CHƯƠNG III – NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT	
Điều 9: Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát	Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	

<p>1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.</p> <p>2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.</p> <p>3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định lên Đại hội đồng cổ đông tại các cuộc họp thường niên.</p> <p>4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.</p> <p>5. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 10 Điều 22 Điều lệ Công ty.</p> <p>6. Giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>7. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu, Ban kiểm soát tiến hành kiểm tra khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 10 Điều 22 Điều lệ Công ty. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.</p>	<p>1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.</p> <p>2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.</p> <p>3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.</p> <p>5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội</p>	<p>Khoản 1 Điều 9</p> <p>Khoản 2 Điều 9</p> <p>Khoản 3 Điều 9</p> <p>Khoản 4 Điều 9</p> <p>Khoản 5 Điều 9</p> <p>Khoản 7 Điều 9</p>
--	---	---

<p>Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>8. Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>9. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm trách nhiệm của người quản lý Công ty thì phải thông báo bằng văn bản gửi Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>10. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty. Giám sát việc thực hiện định hướng phát triển của Công ty, chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và hàng năm do Hội đồng quản trị phê duyệt.</p> <p>11. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.</p> <p>12. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>13. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>14. Đề xuất và kiến nghị ĐHCĐ phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;</p> <p>15. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</p>	<p>đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Báo cáo kết quả kiểm tra của Ban kiểm soát phải lập bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau: vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; thời gian kiểm tra; thành viên Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra; các tài liệu đã kiểm tra; kết quả kiểm tra; đánh giá của Ban kiểm soát đối với vấn đề cần kiểm tra. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.</p> <p>10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.</p> <p>11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.</p>	<p>Khoản 8 Điều 9</p> <p>Khoản 9 Điều 9</p> <p>Khoản 10 Điều 9</p> <p>Khoản 11 Điều 9</p> <p>Khoản 12 Điều 9</p> <p>Mới</p> <p>Khoản 20 Điều 9</p> <p>Mới</p> <p>Mới</p> <p>Mới</p>
---	--	---

<p>16. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Giám đốc và cổ đông;</p> <p>17. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>18. Báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 15 Quy chế này.</p> <p>19. Yêu cầu Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, các bộ phận tham mưu giúp việc trong Công ty cung cấp các hồ sơ, thông tin, tài liệu có liên quan yêu cầu kiểm tra, kiểm soát.</p> <p>20. Đề nghị Hội đồng quản trị (HĐQT) triệu tập Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bất thường theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Điều lệ Công ty và khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày HĐQT có yêu cầu, HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ thì Ban Kiểm soát thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày tiếp theo.</p> <p>21. Đề nghị HĐQT họp bất thường. Đề nghị này được lập bằng văn bản và Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị của Ban Kiểm soát thì Ban Kiểm soát có quyền thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 40 Điều lệ Công ty.</p> <p>22. Tham dự các cuộc họp của HĐQT, có quyền thảo luận các vấn đề nhưng không có quyền biểu quyết.</p>	<p>13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.</p> <p>18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</p> <p>19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.</p> <p>20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.</p> <p>21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p>	<p>Khoản 14 Điều 9</p> <p>Khoản 15 Điều 9</p> <p>Khoản 16 Điều 9</p> <p>Mới</p> <p>Khoản 17 Điều 9</p> <p>Điều 19</p> <p>Mới</p> <p>Mới</p> <p>Mới</p>
---	---	--

	<p>22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p>	
Điều 10: Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát	Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	
1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.	1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:	Khoản 1 ; Điều 10
2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.	a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;	Khoản 1 ; Điều 10
3. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.	b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;	Khoản 2 ; Điều 10

	c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.	Khoản 3 ; Điều 10
4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh, kho và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.	2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.	Khoản 4 ; Điều 10
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.	3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.	Khoản 5 Điều 10
Điều 11: Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên	Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	Mới
1. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.	1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	Mới
	a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;	Mới
	b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;	Mới
	c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.	Mới

<p>2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p>	<p>2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.</p>	<p>Mới</p>
<p>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.</p>	<p>3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.</p>	<p>Mới</p>
<p>Điều 12: Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát</p>	<p>CHƯƠNG IV - CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT</p>	
<p>1. Chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Ban Kiểm soát và các kết luận cuối cùng của Ban Kiểm soát.</p> <p>2. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát được quy định tại Quy chế này:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Quản lý và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng Kiểm soát viên để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát; – Tự thực hiện hoặc chỉ đạo các Kiểm soát viên triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát. <p>3. Triệu tập và chủ trì cuộc họp của Ban Kiểm soát.</p> <p>4. Thực hiện quyền hạn được quy định tại khoản 17, 18 Điều 9 của Quy chế này.</p> <p>5. Lập kế hoạch và phương án kiểm soát hàng năm, hàng quý.</p> <p>6. Ủy quyền cho một trong số các Kiểm soát viên của Ban Kiểm soát đảm nhiệm công việc của Trưởng Ban trong thời gian vắng mặt.</p>	<p>Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p>	<p>Khoản 1, và khoản 2 ; Điều 7</p> <p>Khoản 6 ; Điều 7</p>

<p>7.Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát đề trình Đại hội đồng cổ đông</p> <p>8.8.Thực hiện các báo cáo theo yêu cầu của cổ đông đề cử</p>		
<p>Điều 13: Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên</p> <p>1. Kiểm soát viên làm việc theo chế độ độc lập.</p> <p>2. Thực hiện và chịu trách nhiệm đối với công tác kiểm tra, giám sát được phân công.</p> <p>3. Kịp thời phát hiện và báo cáo với Trưởng Ban Kiểm soát những sai phạm, những hoạt động không bình thường trái với quy trình về quản trị doanh nghiệp hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong lĩnh vực được phân công.</p> <p>4. Chịu trách nhiệm trước Ban kiểm soát các đánh giá và kết luận của mình trong lĩnh vực được phân công.</p> <p>5. Thực hiện và báo cáo kết quả các nhiệm vụ theo từng vụ việc do Trưởng Ban Kiểm soát giao.</p> <p>6. Tham gia các cuộc họp Ban Kiểm soát và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.</p> <p>7. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.</p> <p>8. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.</p>	<p>Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát</p> <p>Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p>	<p>Khoản 4 ; Điều 7</p>

	CHƯƠNG V - BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	Mới
Điều 14: Trách nhiệm của Kiểm soát viên	Điều 16. Trình báo cáo hàng năm	
<p>1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.</p> <p>2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.</p> <p>3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>4. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 nêu trên gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho Công ty.</p> <p>5. Trường hợp phát hiện Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p>	<p>Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.</p> <p>5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.</p> <p>6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.</p>	<p>Điều 15</p> <p>Điều 15</p> <p>Khoản 1 ; Điều 15</p> <p>Khoản 2 ; Điều 15</p> <p>Mới</p> <p>Khoản 4 ; Điều 15</p> <p>Khoản 5 ; Điều 15</p>

	7.Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông.	
<p>Điều 15: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</p> <p>Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên gồm: Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc; báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:</p> <p>1.Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp và Điều 11 Quy chế này;</p> <p>2.Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát;</p> <p>3.Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;</p> <p>4.Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các người điều hành khác;</p> <p>5.Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc.</p>	<p>Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác</p> <p>Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1.Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</p> <p>2.Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>3.Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.</p>	<p>Mới</p> <p>Khoản 1; Điều 11</p> <p>Khoản 2; Điều 11</p> <p>Khoản 3; Điều 11</p>
Điều 16: Chế độ phối hợp	Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan	Mới
<p>1. Ban Kiểm soát phối hợp chặt chẽ với các Phòng-Ban-Đội trong Công ty, các đơn vị khác và các tổ chức đoàn thể trong Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.</p> <p>2. Ban Kiểm soát có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu hoặc hỗ trợ cơ</p>	<p>1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:</p>	Mới

quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.		
	a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;	Mới
	b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.	Mới
	2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.	Mới
	3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.	Mới
	4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo	Mới

	quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.	
	5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.	Mới
	CHƯƠNG VI - MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	Mới
	Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát	Mới
	Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.	
	Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành	Mới
	Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.	
	Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	Mới
	Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.	
CHƯƠNG IV. HIỆU LỰC, TRÁCH NHIỆM THI HÀNH VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ	CHƯƠNG VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	

<p>Điều 17: Hiệu lực thi hành</p> <p>Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày Trưởng Ban Kiểm soát ký quyết định ban hành.</p>	<p>Điều 22. Hiệu lực thi hành</p> <p>Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2023.</p>	<p>Điều 17; 18;19</p>
<p>Điều 18: Trách nhiệm thi hành</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Trưởng - phó các Phòng-Ban-Đội của Công ty, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.</p> <p>Điều 19: Sửa đổi, bổ sung Quy chế</p> <p>Quy chế này gồm 4 Chương, 19 Điều, được Hội đồng quản trị xem xét góp ý tại phiên họp Hội đồng quản trị Quý III/2017 và Ban Kiểm soát thống nhất thông qua ngày 06 tháng 11 năm 2017.</p> <p>Trong quá trình thực hiện, Kiểm soát viên có trách nhiệm đề xuất với Trưởng Ban xem xét thông qua việc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty./.</p>		